

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|-------------------------|
| — Thanh-nghị | PHAN ANH |
| — Đền chùa Việt-nam ở xứ Cao-mên | Thúc-ngọc TRẦN VĂN GIÁP |
| — Những chính sách về tiền tệ và hối đoái (Tiếp theo) | VŨ VĂN HIỀN |
| — Giáo dục âm nhạc (Tiếp theo) | VĂN HOA |
| — Danh văn ngoại quốc: Ý nghĩa xã-hội của phong trào « Độc Kinh » và « Tồn Văn » (Nguyên văn của Duy Minh) | VÔ TÂM dịch |
| — Mưa phùn (Truyện ngắn) | HƯƠNG MINH |
| — Xã-hội Việt-nam từ thế kỷ thứ XVII | NGUYỄN TRỌNG PHẤN |
| — Mỗi tháng: Trích thuật sách báo | TRỌNG ĐỨC |
| — Việc quốc tế | D. B. D. |

NĂM THỨ BA: SỐ 64 — NGÀY 6 MAI 1944

TÒA BÁO: 15 PHỐ HÀNG DA HANOI — Giấy số: 19.43 — GIÁ 0\$50

GIÁ BÁO. — BẮC-KỲ, TRUNG-KỲ, NAM-KỲ, CAO-MIÊN, LÀO. 3 th. 6\$00, 6 th. 11\$00, 12 th. 20\$00.

BAO THANH NGHİ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA
DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT-CHÂN CHÍNH.

Trong số 13 Mai 1944

- | | |
|---|------------------------|
| — Thiệt thực | VỀ DINH HOÈ |
| — Nghề chăn nuôi trâu bò ở xứ ta | NGHIÊM XUÂN YÊM |
| — Nhà Nguyễn, nhà Lê | NGUYỄN THIỆU LÂU |
| — Tư tưởng xã hội học | A. A. |
| — Một đêm sao (Bút ký) | XUÂN DIỆU |
| — Trôi rạt (Truyện ngắn — Nguyên văn của Somerset
Maugham) | HỒ MAI dịch |
| — Đền chùa Việt-nam ở xứ Cao-mên | Thúc-ngọc TRẦN V. GIÁP |
| — Nghiên cứu về Nguyễn-Du và truyện Kiều
(Tiếp theo) | ĐINH GIA TRINH |

QUOC-HOC THU-XA

MỜI PHÁT HÀNH:

VIỆT HOA THÔNG SỬ.. giá 5\$00

SẮP PHÁT HÀNH:

Lược luận về PHỤ NỮ VIỆT NAM

Lược-Lý ĐU THUYẾT YẾU THUẬT

Lịch-sử BÁO CHÍ HOÀN CẦU

NGHỆ THUẬT VÀ DANH GIÁO

THƯ-TỪ VÀ NGÂN PHIẾU XIN DỀ TÊN

M. LÊ VĂN HỒ 16bis Tien Tsin Hanoi

Được tin buồn nhạc phụ ông NGUYỄN TRỌNG
TRẠC vừa tạ trần tại Kim Động (Hưng Yên), chúng
tôi trân thành phân ưu cùng ông NGUYỄN TRỌNG
TRẠC và tang gia.

NGUYỄN TUÂN

= THANH NIÊN =

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢY

TƯ-TƯỞNG — VĂN-HOA — NGHỆ-THUẬT

Gây tình đoàn-kết giữa người Việt ba kỳ.
Khuyến-khích hoạt-dộng để chứng tỏ sức sống
của người Việt.

Phụng-sự nghệ-thuật nước nhà trên con
đường mới.

CẢI CHÍNH.— Trong bài «Thanh-Nghị» trang 4, giòng
cuối cùng xin đề lên đầu trang.

Thanh-nghị từng thư

Xin chú ý. — Các bạn mua năm báo T. N. trong ba tháng Mars, April Mai 1944
sẽ được biên một trong những cuốn sách sẽ xuất bản — Xin nói thêm cho rõ nghĩa rằng
quyền lợi trên dành riêng các bạn mới bắt đầu mua năm. Còn các bạn vẫn mua năm từ
trước và cả về sau này sẽ được trừ 20% về giá tất cả các sách trong bộ T. N. từng thư.

THANH-NGHỊ

PHAN ANH

Trong một đoàn thể, một quốc-gia nhất là về phương diện chính trị, Dư Luận có một địa vị rất quan trọng.

Mà không phải rằng từ ngày có báo chí, từ ngày có chính thể dân chủ, Dư Luận mới có địa vị quan trọng ấy, Địa vị ấy, Dư Luận có đã từ lâu.

Pascal, nhà văn sĩ Pháp về thời Louis XIV (một ông vua độc-đoán ở thế kỷ 17) đã phải công nhận rằng : « Dư Luận cũng như là bà chúa của người ta » (l'opinion est comme la reine du monde) ; ở bên A Đing ta, về đời Tần Vũ Đế cũng là một ông vua độc tài (thế kỷ thứ III s. T. C.) mà một vị gián quan là Phó Huyền cũng đã giám khuyên vua theo gương, người xưa, lấy Dư Luận làm một cách trị thiên hạ : « Thiên văn : Tiên Vương chế ngữ thiên hạ, giáo hóa long ư thượng, thanh nghị hành ư hạ. »

Thanh nghị, nghĩa đen là nghị luận thành chính ; nhưng theo lịch sử, thì ngoài tình cách thành chính, cái nghị luận mà người ta gọi là Thanh nghị còn có những đặc điểm khác.

Đặc điểm thứ nhất ; là nghị luận ấy là nghị luận của những người xử sĩ, nghĩa là những người không trực tiếp gánh vác việc công ; hoặc ẩn dật như Nghiên Qương đời Hán, hoặc từ quan như Đào Tiềm đời Tấn. Đứng địa vị xử sĩ, họ trông cục diện với con mắt bàng quan, có thể nhận rõ những nhược điểm, nên nghị luận rất có ích cho kẻ « xuất giả » nhiều khi không trông rõ cục diện, hay cũng có khi trông rõ mà không giám bản. Và chắc chắn có lẽ xử sĩ nghĩa là không muốn tham dự thời cục, thì lẽ cố nhiên họ sẽ thiên về sự chỉ trích. Sự chỉ trích đó là đả kích hay lăng mạ, miễn là do ở công tâm thì bao giờ cũng có ích, vì có nó mới rời « xuất giả » mới thận trọng, vì có nó mới có cạnh tân, có tiến bộ.

Nhưng nếu nghị luận ấy chỉ do ý kiến của một cá nhân, một dật sĩ không được dân chúng đề ý tới, thì nó chỉ là những nghị luận rời rạc, không có thể lực gì, không có ảnh hưởng gì, và nó sẽ không, phải thứ nghị luận mà người ta gọi là Thanh-nghị trong lịch sử.

gian, hay ít ra nó cũng được dân gian đẩy tới mức tận thành. Giữa những kẻ xử sĩ và dân chúng phải có những luồng tư tưởng liên lạc rất mật thiết: sống gần dân chúng, cùng hít « phe » với dân chúng, kẻ xử sĩ cảm thấy những cảm giác và thấu hết những tri giác của dân chúng, tinh thần dân chúng. Đồng thời, dân chúng sống gần kẻ xử sĩ, kính trọng họ, yêu mến họ, nên rất dễ cảm hóa theo tư tưởng của họ, kẻ xử sĩ nhân thế mới có một thanh thế rất to: nhờ cái thanh thế ấy, họ có thể giáo huấn được trong cực mà hướng đạo nhân dân trong một kỷ niệm mà chính phải khổ sở hay can thiệp đến là chính đốn phong tục.

Nhưng dư luận làm trọn nhiệm vụ ấy hay không, một phần lớn cũng bởi chế độ chính trị.

Cho nên trong lịch sử, Thanh-nghị có hồi thịnh, có hồi suy. Thịnh ở những đời mà người ở trong cực biết trọng người xử sĩ, biết quý kẻ có khí tiết, biết nghe lời trung trực, thì dụ như đời Hán, Tề, Lương Xuy ở những đời vua chỉ nghĩ biết nghe gian nịnh, không để cho nghị luận của kẻ xử sĩ được tự nhiên phát triển ở dân gian. Kẻ cái tệ phỉ Ngụy, Phó Huyền nói rằng: « Kỳ hậu, cương duy bất nhiếp, phóng dân đình triều, » toại sự thiên hạ vô phục THANH-NGHỊ » rồi sau, kỷ cương không giữ, phóng đảng đầy triều, khiến thiên hạ không giữ lại Thanh-nghị, Thiên hạ không giữ lại Thanh-nghị, là vì Thanh-nghị không được tự do phát triển, ở đời ấy tuy có danh nhậm ân sĩ có ý kiến hay, ý kiến họ cũng không được lựa hành ở dân gian, bị mai một mà không có một ảnh hưởng gì cho đoàn thể.

Quan niệm « Thanh-nghị » với hai đặc tính kể trên không phải là một ảo tưởng. Chính là một thực trạng đã có trong lịch sử lâu và lịch sử ta, và nó có liên lạc mật thiết đến Văn-hóa và chính-trị của cha ông ta. Mà kể so với quan niệm « dư luận » của Âu-tây bây giờ cũng không khác mấy. Bàn về nghĩa vụ công dân, trong một nước dân chủ, Emile Bergerat có viết: « Oà kháng nghị không phải là một thói xấu, chính là một nét tốt của người Pháp... Không những là không đáng sợ mà lại cổ thế họ vọng về tình ấy: vì nó là động lực của sự tiến... » Bàn về nghề làm báo, Exile Delord, một cây bút lỗi lạc của báo Charivari đã từng nổi danh một thời có viết: « báo chí với quốc, dân phải mật thiết kiểm sát lẫn nhau và có thể mới có thể có một công luận chân chính ».

« Thanh-nghị » xưa ở Á-đông là thế, mà « dư luận » nay ở các nước Âu-tá thế.

Thanh-nghị, trong sử, có đặc điểm là tiên biểu tư tưởng của dân

PHAN ANH

DỀN CHÙA VIỆT NAM Ở XỨ CAO-MÊN

Thúc-ngọc TRẦN VĂN GIÁP

Bài này nguyên phải viết bằng Pháp văn, đã đem lược trình và thảo-luận ở Viện Đông-dương Nhân chủng học (Institut indochinois pour l'étude de l'homme) ngày 15 Février 1944. Nguyên văn cùng đồ, ảnh sẽ in vào Tạp chí của Viện ấy. Còn bản dịch hìnguyên văn cùng chữ Hán và các đồ, ảnh thì sẽ in vào tập-san Khai-tri tỵ-xử-đức. Nay chỉ xin lược thuật qua trước để cống hiến các độc giả.

T. V. G.

Cao-mên là một xứ còn có nhiều di-tích về lâu-dài cổ hơn cả các xứ khác ở Đông-Dương. Những lâu-đài cổ ấy phần nhiều là các đền chùa. Các nhà tác-giả đã có nhiều người khảo-sát về các vấn đề ấy, nhưng phần nhiều chỉ chuyên về phương-diện mỹ-nghệ cổ-dại và về các vấn đề thuộc văn-hoá Cao-mên xưa cũ. Chưa từng thấy có một quyển sách nào, hoặc bằng tiếng Pháp hay tiếng Việt-Nam đã có nói riêng về di-tích người Việt-Nam ở trên đất cổ-quốc Chân-lạp.

Nhân ngày hội-chợ Sài-gòn vừa rồi vào năm 1942, chúng tôi có dịp lần-lầu đi qua mấy thành-phố lớn Cao-mên: tỉnh Siemréap và thành Nam-vang (Pnom-Penh). Ngoài những các lâu-đài đồ-sộ thuộc về văn-hoá Cao-mên xưa, có nhiều đền chùa khiến chúng tôi phải động-tâm mà lưu ý: những đền chùa ấy hoặc là của Việt-Nam, hoặc là thuộc về văn-hoá Việt-Nam. Có ngôi đền còn giữ trọn vẹn dấu-tích lịch-sử về ảnh-hưởng Việt-Nam trên đất Mên từ thế kỷ thứ XVI hay XVII sau Tây-lịch. Có ngôi lại là cái kết-quả gần đây của các thương-dân, nông-dân Việt-Nam mới nhập xứ ấy. Nay xin đem liệt kê các đền chùa ấy làm hai hạng: một là chùa thờ Phật của người Việt-Nam; một là đình thờ Thần cúng lễ theo tục Việt-Nam.

1. — Chùa thờ Phật (1)

Chùa Kim-cang — Chữ gọi là Kim-cang bảo-tự; Chùa này ở vào địa-phận làng Logo, gần Siemréap, dựng nên từ năm 1893 do sư cụ người Nam, tên là Thiện-Trí đứng hưng-công. Sư cụ Thiện-trí tục danh là Đặng-văn-Niệm, nguyên-quán ở chợ Thủ,

ở Tân-châu thuộc tỉnh Châu-đốc. Người xuất-gia năm 17 tuổi, theo học sư cụ Tâm-châu ở chùa Linh-sơn ở Bakheng, thuộc Cao-mên. Ngòi chùa Linh-sơn này sau bị hủy-liệt. Đưa Tâm-châu người ở Mỹ-thọ đến Bakheng từ năm 21 tuổi, tu hành ở đấy đến năm 81 tuổi thì tịch, giữa ngày 24 tháng 5, năm Giáp-ngọ (1894). Khi thì-tịch nhục-thân thiêu ở Bakheng, hiện còn phần tháp ở đấy, lẫn giữa đám đồ nát lũng-chồng của lâu-đài Cao-mên xưa.

Chùa Kim-cang kỳ-thủy làm bằng gỗ lợp lá mãi đến năm 1920 mới xây bằng gạch, do sư cụ Quảng-ngạn Thiện-tướng đứng hưng-công. Người Thiện-tướng quê ở làng Tân-hưng, thuộc tỉnh Sadek, xuất-gia từ thuở 14 tuổi, theo học đức Tâm-châu đồng thời với sư cụ Thiệu-tai. Hiện nay người 57 tuổi đã đào-tạo được nhiều học-trò người thì hiện ở các chùa ở Nam-kỳ, có người lại hoàn-tục. Học-trò người hiện ở chùa Kim-cương có đến 9, 10 người, cũng có người là lai Tàu và

(1) Tiên dịp đây, tôi xin thăm-tạ các bạn đồng-bang ở Cao-mên đã có lòng yêu mến giúp đỡ tôi, chỉ dạn cho đi tham các đền, chùa, khiến tôi nhân đó viết thành bài này để kỷ niệm cuộc viễn-dư. Ở Siemréap, tôi được gặp ông Phạm-van-Chúc, làm việc tại nhĩ bảo-tàng Angkor đã đưa tôi đi vãng cảnh Kim-cang bảo-tự. Về đến Nam vang, tôi được gặp ông Than-thức-Linh, làm tham-tá ở sở kho-bạc thành phố. Nguyễn-minh-Tâm làm tham-tá ở sở trước-bạ cũng thành ấy, hai ông đưa tôi đi tham các chùa Sùng-quang, Khánh-lâm, Kim-chương; Kim hoa và nhất là đình Việt-Nam gọi là Thượng-đẳng thần-miếu.

Cao-mên. Tượng chùa Kim-cang cũng lễ theo Phật-giáo Việt-Nam, tượng-pháp trên Tam-bảo cũng là kinh sách đều thuộc Phật-giáo Việt-Nam cả.

Chùa Kim-chương.—Chùa Kim-chương ở ngay giữa thềm phố Nam-vang, do một vị sư cụ hiện nay ở đây đời g-lớn đã hơn 10 năm nay. Vị sư cụ hiện-tại ở đây năm nay đã có tuổi, quán ở Thủ-đức, nước Anh Gia-định, người là học trò cụ Tâm-châu ở Dak-hung, đạo-hiệu là Quảng-hòa Thuận-phúc, tục-hiệu là Nguyễn-Bạt-Phúc, người xuất-gia tại một tu-nam 21 tuổi. Ngôi chùa này trước kia là một cái miếu an-hồn nhỏ của người Việt-Nam làm ra; mai đến năm 1333, sư cụ Thiệu-phúc mới đem Nam-vang phật-tam gây dựng thành thế-giới hiện thời.

Chùa Kim-hoa.—Chùa Kim-hoa cũng ở ngay giữa thành phố Nam-vang. Chùa này mới làm. Theo như vị sư cụ trụ-tri chùa ấy mới mới nhận canh từ năm 1908, thì chùa này mới làm độ vào khoảng trên dưới ba mươi năm nay. Vị sư hiện trụ-tên là Lão-van-Tâm, đạo-hiệu là Giác-Hoàng, quê ở tỉnh Sadec, xuất-gia ở chùa Vĩnh-tràng thuộc tỉnh Mỹ-tho, theo học cụ Hồ-chiêu. Người hiện có 9, 10 người học-tử vừa người Trung-kỳ vừa người Nam-kỳ. Tượng-pháp ở Tam-bảo cùng kinh sách tụng đọc không khác gì ở các chùa Nam-kỳ.

Từ trên là các tài liệu chúng tôi đã thu nhập ngay ở các chùa Việt-Nam ở trên đất Cao-mên. Ở ngay thành Nam-vang chúng tôi lại còn khảo sát nhiều ngôi chùa Việt-Nam nữa: học lễ như chùa Sùng-phúc, chùa Khánh-lâm v.v... Về các chùa này chúng tôi thu thập được rất ít tài liệu về lịch-sử, về tôn-giáo: chính, ngay vị sư cụ trụ-tri ở chùa Kim-cương cũng chỉ kể qua loa được danh hiệu các vị trụ-tri ở những chùa ấy khi xưa. Ngoài ra chúng tôi có lược biên được các tượng-pháp các ngôi tam-bảo những chùa kể trên này, đáng lễ phác-họa và phụ biên với ngôi Tam-bảo mấy cảnh danh lam Nam-kỳ, như các chùa Linh-son, Giác-hải, Giác-viên, Giác-lâm, Bảo-nghiêm, v.v... mà chúng tôi đã vãng cảnh để tiện việc khảo-cứu về tất cả các tượng-pháp các ngôi tam-bảo những chùa ấy thật là cần thiết cho khoa học tượng-pháp Phật-giáo Việt-Nam. Tiếp ra trong những bản phác-họa ấy, về các danh hiệu chắc còn có nhiều

nơi nhầm lẫn sai-thù, mà chúng tôi muốn giữ nguyên những điều các vị trụ-tri các chùa ấy chỉ bảo, không dám tự-tiện hiệu-dinh. Tóm lại, các tài-liệu này đều thật sơ-lược nhưng cũng đủ tỏ rõ cho ta biết cái ảnh hưởng Phật-giáo Việt-Nam thâm nhập đất các xứ thuộc văn-hoá người Mên-xua.

Phụ chép mấy ngôi danh-lam ở Nam-kỳ. Chùa Linh-son ở số 149, phố D'au-mont ở Saigon là nơi hội-quán hội Phật-giáo Việt-Nam thứ nhất ở Nam-kỳ. Chúng tôi được hân-hạnh có vị chánh trụ-tri chùa ấy cùng vị chánh hội-trưởng đưa đi vãng-cảnh và nhất là chỉ dẫn các tượng-pháp trên Tam-bảo. Chùa này dù có những tủ sách đồ sộ, ngoài những sách quốc-ngữ, chữ Tây, chữ Hán xuất bản ở nước ta, lại còn có cả bộ *Đại-tạng-kinh* xuất-bản ở Thượng-hải năm 1925, các phật-tử chúng tôi được gặp cũng không lấy gì làm giá trị đạo đức Bản-sư Thích-ca hơn là các nhà sư ở Bắc-kỳ cùng Trung-kỳ.

Chùa Giác-hải ở hộ thứ 11e thành phố Chợ-lớn. Mới trông ngoài chùa này có vẻ mới làm, hỏi các vị trụ-tri ở đó thì biết chùa này mới tu-tạo lại chừng hơn 20 năm nay. Khi thăm chùa này chúng tôi được xem bộ nhật-tụng đề-nhan là: *Không-môn nhật dụng tổng tập*, có một bài tựa của sư cụ chùa Bảo-long đề năm Cảnh-hưng mậu-tý (1768). Nhưng quyển sách này chúng tôi xem là sách tái-bản năm *Bính-thân*. Xét ra sau năm Mậu-tý là năm đề tựa (1768) có ba năm Bính-thân, 1776, 1836, 1896. Vậy sách này tất chỉ tái bản vào ba năm ấy; tái bản ở làng Bình-cang, tổng Cửu-an An-ninh-hạ, thuộc phủ Tân-an, tỉnh Gia-định theo một bản in tại chùa Bảo-long, làng Cẩm-tú, huyện Duyên-khánh, phủ Điện-bá, xứ Quảng-nam. Trong chùa Giác-hải lại thấy có một quả chuông do sư cụ Từ-phong hưng-công từ năm Mậu-ngọ (?)

Chùa Giác-viên ở vào hộ 15 thành phố Chợ-lớn. Khi mới bước chân vào cửa chùa, chúng tôi thấy ngay ở chính cửa có treo một cái biển sơn son, nước sơn đã cũ, trên đề ba chữ: «*Giác-viên tự*» làm từ năm Tân-mão, có lẽ từ năm 1771 hay 1831. Vị chánh trụ-tri chùa này có vẻ hay chữ hơn các sư mà chúng tôi được gặp ở Sài-gòn. Người

(Xem tiếp trang 24)

Những chính sách về TIỀN TỆ VÀ HỐI ĐOẠI

VU VAN HIÊN

(Tiếp theo)

Cuộc chiến tranh về tiền tệ từ 1931

Năm 1929, cuộc kinh-tế khủng-hoảng phát khởi từ Hoa-kỳ rồi lan sang Âu-châu đến 1931 mấy nhà ngân-hàng to lớn và Đức bị phá sản. Tư-Bản ngoại-quốc bấy giờ kinh-doanh ở Đức có tới 25 nghìn triệu rưỡi marks vội rút về, kinh-tế Đức bước vào một bước nguy ngập, cân xuất nhập bị chênh-lệch hẳn. Để giữ số tư-bản ấy lại trong nước, chính-phủ Đức theo nhời đề-nghị của nhà tài-chính có danh là Dr. Schacht liền thi-hành chính sách kiểm-soát hối-đoái (contrôle des changes); vào tháng bảy 1931 : cấm không cho xuất-cảng vàng và tiền ngoại-quốc, bắt buộc tư-nhân có trái-phiếu ngoại-quốc phải khai với Đức-quốc ngân-hàng, bắt buộc sự mua bán với ngoại và sự chuyển-dịch tài-sản với người ngoại-quốc đều phải xin phép trước, v. v.

Số tư-bản ngoại-quốc vì thế bị « đọng lại » thực rất nhiều. Chính-phủ lại tùy từng thứ mà cho phép được đem dùng vào việc riêng và tính ra tiền ngoại-quốc bằng một giá riêng. Thí-dụ : ai bán tiền ngoại-quốc lấy tiền marks sau tháng bảy 1931 thì nhận được thứ « mark tự-do », muốn tiêu dùng trong nước Đức thế nào tùy ý, miễn là đừng đổi để lấy tiền ngoại-quốc ; trái lại ai vì đã bán của cải hay đòi nợ từ trước tháng bảy 1931 mà có mark thì chỉ được dùng thứ mark đó để mua bất động sản, cho vay dài hạn hay mua một vài thứ cổ-phần đã định sẵn mà thôi. Năm 1936, chính-phủ Đức lại đặt ra một thứ « mark du-lich », tính ra tiền ngoại-quốc thì rẻ hơn các

thứ mark khác, mục đích là để khuyến-kích người ngoài đến thăm nước Đức và về dịp ấy vàng hay tiền ngoại-quốc đến Đức.

Nói tóm lại, đối với người Đức ở trong thì vẫn chỉ có một thứ mark để dùng về việc giao-dịch và làm mực thước cho giá-trị nhưng đối với người ngoại-quốc thì có tới bốn mươi thứ marks, giá-trị và công dụng khác nhau.

Nhờ sự kiểm-soát hối-đoái khe khắt như thế nên Đức đã sống biệt-lập hẳn để giữ cho nền kinh-tế trong nước thoát khỏi ảnh-hưởng của giá cả trên thị-trường quốc-tế và đã chỉ-huy được tiền-tệ để giúp vào việc thi-hành cái chương-trình công-tác và binh-bị to tát do đảng Quốc-Xã lập ra.

Nhưng ta cũng nên nhận rằng sở dĩ chính-sách kiểm-soát hối-đoái đã thi-hành một cách khe khắt như thế được ở Đức là nhờ vào tính-thần trọng kỷ-luật mà dân Đức đã sẵn có, không những thế số-viên-chức chính-phủ đã phải dùng riêng về việc này về tới hơn 10 vạn người và số tiền chi phí hàng năm lên ra hơn hai nghìn triệu francs.

Chính-sách kiểm-soát hối-đoái khe khắt còn thi-hành ở Ý, Hung, Đan-mạch, Tiệp-khê nữa ; nhưng ở mỗi nơi có những điều đặc-biệt về tiêu-tiết.

Nhưng ngay từ 1931, chính-sách tiền-tệ của Đức đã có ảnh-hưởng thẳng đến đồng sterling của-Anh.

Nước Anh là cường quốc độc nhất ở châu Âu đã làm cho đồng tiền quay lại được giá

(1) Xem Thanh-Nghị số 25, 27, 28, 33, 36, 37, 41, 46, 55, 57, 59 và 61.

năm 1914. Nhưng từ 1914 đến 1925 thật ra thì giá cả và công lao ở Anh cũng đã dần dần điều-chỉnh theo số tiền lưu-hành trong nước tức là đã theo sự lạm phát mà tăng cao. Khi chính-phủ Anh quyết định thu bớt số tiền lưu-hành về thì giá mọi thứ lại dần dần hạ. Nhưng sự rút lui ấy lại không đều : trong khi giá bán cất kém đi 30 phần trăm, giá bán lẻ chỉ giảm 10 phần trăm, còn công thợ chỉ bớt được 2 phần trăm.

Thành thử vì định lại giá đồng *sterling* cao quá, Anh đã thành một nước đắt đứng giữa một thế-giới rẻ vì đồng tiền mất giá.

Chỉ giá vốn cao hàng hóa Anh bán ra đắt, không cạnh-tranh nổi với ngoại-lúa : số hàng xuất-cảng trong năm 1931 so với 1914 kém đi một phần năm còn số hàng nhập-cảng thì lại tăng lên một phần năm.

Trước năm 1931, Anh vẫn lấy tiền vận tải hàng hải, bảo-hiêm, ở ngoài và nhất là tiền lãi vốn đặt ở ngoại-quốc để bù vào chỗ chênh-lệch kia.

Tháng bảy 1931, Đức ra lệnh giữ tiền ngoại quốc. nước anh thiếu hẳn nguồn lợi để bù vào cái lỗ lũng do sự chênh lệch nhập cảng và xuất-cảng gây ra.

Cán cân xuất nhập đã bị thiệt ; mà ngân-quỹ trong nước lại thiếu tiền, số thợ mất việc lên tới 2 triệu 6, tư-bản sỏi nổi chuyển ra ngoại-quốc vàng rời Londres sang Paris và New-york.

Tháng chín 1931, chính-phủ Anh đành bỏ kim bản-vị, tức là Anh - quốc ngân - hàng thời không đổi giấy ra vàng nữa, giá đồng *sterling* đương từ 123 francs sụt xuống 86 francs.

Nhờ sự giảm giá của đồng *sterling* và đồng thời cũng nhờ chính-sách quan-thuế của chính-phủ, kỹ-nghệ Anh được hoạt-động thêm, số hàng ngoại-quốc nhập-cảng bớt đi và số thợ thất-nghiệp giảm đi được một triệu.

Những tư-bản trước kia bỏ Anh mà đi nay lại kéo về, tin rằng đồng *sterling* rồi sẽ lên giá. Một đảng muốn giữ cho hối-đoái không vì thế mà vọt cao để ngăn cản sự hoạt-động vừa nhóm lên ; một đảng cũng không muốn cho sự luân-chuyển của tư-bản có ảnh-hưởng đến số tiền lưu-hành trong nước, đầu năm

1932, chính-phủ Anh liền đặt một « quỹ bình giá hối-đoái » (*fonds de stabilisation des changes*) có 375 triệu *sterling* gần hết là bằng trái-phieu của Công-kho.

Khi nào nhiều người bán tiền ngoại-quốc lấy *sterling* thì « quỹ bình-giá » bán trái-phieu trong nước lấy *sterling* để mua tiền ngoại-quốc rồi đổi ngay lấy vàng : đồng *sterling* vì sẵn có cơ-quan bán nên không tăng giá, trái lại ở trong nước có vàng và trái-phieu là những thứ dễ đổi ra tiền kỹ-nghệ và thương-mại không vì thế mà thiếu vốn để kinh-dóanh. Trái lại, khi nhiều người bán *sterling* thì « quỹ giữ giá » lại bỏ vàng và ngân-phieu ra mua.

Nhờ có cơ-quan luôn luôn mua và bán *sterling*, nên đồng tiền đó không thể tăng hay giảm giá được. Qua cơ-quan đó, chính-phủ Anh có thể định giá đồng *sterling* trên thị-trường thế-giới theo mức nào có lợi nhất cho nền kinh-tế của mình.

Nhưng đồng *sterling* vốn là đồng tiền thông-dụng nhất trong thế-giới nên những thuộc-quốc của Anh và những nước chịu giao-dịch nhiều với Anh như Phần-lan, Na-uy, Thụy-điển v. v. cũng lần lượt bỏ kim-bản-vị cho tiền hạ giá theo với tiền Anh.

Trong khi ấy, ở bên kia Đại-tây-Dương, tuy vẫn bán ra nhiều mua về ít, thu về nhiều chi ra ít, tuy vẫn đầy ắp những vàng và không sợ gì cạnh-tranh của hàng ngoại quốc, nước Hoa-Kỳ cũng cố ý làm phá giá đồng *dollar*.

Tháng tư 1933, tổng thống Rossevelt được Nghị viện cho đặc quyền giảm số vàng trong đồng *dollar* cho tới 50 phần trăm. Tới tháng mười năm đó, chính-phủ Mỹ tuyên-bố mua tất cả vàng trong nước và ở ngoài đem đến bán theo một giá do nhà nước định ; rồi tới tháng hai 1934 thì quyết định giảm số vàng trong đồng *dollar* từ 28,85 grains xuống 15,52 grains, tức là làm cho đồng *dollar* mất 40,94 phần trăm giá cũ.

Mục đích sự cố ý giảm giá trị đồng tiền ấy là làm cho tăng giá hàng trong nước và nhất là làm cho những nhà sản xuất, canh nông hay kỹ-nghệ Mỹ giả một cách dễ dàng số nợ họ đã vay từ trước hồi kinh-tế khủng hoảng.

(Xem tiếp trang 19)

GIAO-DỤC AM NHẠC

VAN LOA

(Tiếp theo)

Âm-nhạc là một nghệ-thuật

(La musique est un Art)

Có lẽ không có một thứ nghệ-thuật nào lại mơ-hồ, huyền-ảo và chóng bay qua như âm-nhạc. Ta hãy đem nó so sánh với những nghệ-thuật khác mà xem: Kiến-trúc-sư xếp đặt những tảng đá, viên gạch, xây nên những lâu-đài nguy nga, nhà điêu khắc tạc đã hoa, hay kim khí, tạo nên những pho tượng, họa-sĩ lựa chọn, đặt những màu sắc đẹp đẽ, nhịp nhàng, trên vải, lụa, gỗ, đá, giấy, tạo nên những bức họa có thể để lại muôn đời sau thì-sĩ tìm những tiếng, đặt nên những áng thi-ca, an ủi người muôn kiếp. Tất cả những nghệ-sĩ kể trên đều làm những công việc có thể gọi là lâu dài.

Chỉ có nhạc-sĩ hình như xây đắp trong khoảng không, mờ ảo, lấy những Âm-thanh, là những thứ dễ bay liện nhất vừa nghe xong là biến mất, chỉ còn lại chút kỷ-niệm; Có thể thôi, mà nhạc-sĩ đã phải « *làm êm tai, xúc động trí não, hay gây nguồn cảm-hứng sôi nổi của người nghe* ».

Cái nghệ-thuật kỳ-diệu này có thể ví gần giống Thơ, vì người soạn bài đàn dùng âm thanh, cũng như thi sĩ dùng tiếng. Khi soạn bài đàn, nhạc-sĩ cũng phải theo những luật khe khắt của Nhịp (rythme) và sự êm dịu như Thơ. Cũng như Thơ, Âm-nhạc đã tìm cách rung động trí não, trái tim, bằng cơ quan thính giác.

Ta có thể ví Âm-nhạc với khoa Kiến-trúc nên ta hiểu giữa những âm-thanh đều có sự tương đối, phải có sự cân đối từng đoạn trong một bài đàn, dù là một điệu hát diêm-trình, trầm bổng

bằng mấy câu ngắn (romance) hay cả một vở kịch dài, toàn bằng Âm-nhạc (opéra). Bà Stael cũng đã nói: « *Ta có thể coi Âm-nhạc là khoa Kiến-trúc về Âm-thanh* »:

Một bài Symphonie êm dịu của Beethoven, của Mendelssohn hay của Saint Saëns là cả một công trình vĩ-đại về âm-thanh, cũng như những toà lâu đài đồ sộ: *Đền Paderborn, nhà thờ Weisminster, Saint-Marc ở Venise*) là những tác phẩm sản lạn của khoa Kiến-trúc vậy.

Âm nhạc là một nghệ thuật phát-sinh từ lâu đời lắm. Người ta có thể nói đó là một cái bản-năng (instinct) đã có từ khi loài người sống trên trái đất này vậy. Người ta đã tìm thấy một tảng đá từ hồi thượng cổ khắc hình thơ sơ một nhạc sĩ chơi đàn. Các nhà khảo-cổ cho là hình đó đã lâu đời ít nhất là 3000 năm trước Thiên Chúa giáng sinh. Vì thế, người ta có thể cho rằng: Âm-nhạc còn phát hiện trước thi-ca một thời gian rất lâu, và chính nó đã là nguồn gốc của thi-ca (poésie)!

Trong tất cả các nghệ thuật, chỉ có Âm-nhạc là phổ-thông, bình-dân hơn hết. Nó khởi nguồn từ đời sống xã-hội, như loài thảo mộc khởi nguồn sống từ đất lên vậy. Khoa hội-họa, kiến-trúc, điêu khắc đều là những nghệ thuật khó hiểu, người thường mấy ai đã thích yêu được. Nhưng, với Âm nhạc, thì ai ai cũng có thể cảm thấy, từ dân mọi rợ, với những điệu hát rừng rợn, đến người văn-minh, với những thâu-thầm-mỹ đã được rèn luyện khá cao, đều có thể thấy cái hay, đẹp của Âm-nhạc, chỉ khác ở chỗ cảm-thông nhiều hay ít thôi.

III.— Âm-nhạc là một khoa học

(La musique est une science)

Charles Gouraud đã cho rằng « *Không có một nghệ thuật nào không có khoa học* ».

Tất cả nói nghệ sĩ đều chúng nhận điều đó».

Ta có thể nói Âm-nhạc là một khoa học toán học cao siêu, nếu ta đem phân tách những luật lệ, những nền tảng cần thiết để tạo tác một bài đàn vĩ đại vì ta sẽ thấy những âm-thanh đứng cạnh nhau, hòa hợp với nhau, đều là những sự tương đối về số học. Khoa học đã làm tăng sự tiến bộ của nghệ thuật và chỉ rõ từng kết quả đã hái được.

Nhịp điệu của Âm-nhạc (rythme) chẳng qua là sự chia đơn vị của thì giờ ra những phần đều hay không đều (division d'une unité de temps en fractions égales ou inégales). Nhưng bao giờ cũng tương đối sự trầm bổng (intonation) của Âm-nhạc phải tùy theo số những rung động (vibrations) trong một giây đồng hồ. Và sức mạnh của Âm-thanh (Intensité) là tùy theo làn không khí bao bọc vật vừa phát âm đó bị rung chuyển nhiều hay ít.

Nếu ta lại đi sâu hơn vào thế-giới Âm-nhạc, ta sẽ hiểu cả sự nhịp nhàng (Harmonie) cũng là một sự pha trộn rất khéo léo, rất khoa học, của những âm thanh, và bao giờ cũng đặt nền tảng trên khoa số-học. Chính vì những sự tương đối ấy mà người nghe có cảm tưởng êm đềm hay khó chịu.

Và lại, cần gì phải nói nhiều về Âm-nhạc là một khoa học? Tất cả khoa Âm-thanh-học (Acoustique) đã chẳng là một ngành khoa học tinh vi, có những nguyên tắc, những luật lệ chắc chắn đó ư?

*

Nếu ta đã thấy đó, Âm-nhạc là cả ba thứ ngôn ngữ, khoa học và nghệ thuật. Đây là thứ ngôn ngữ hỗn nhiên. Loài người tự lúc sinh ra đã biết rồi. Có lẽ những âm-thanh ú ớ mà người cổ sơ vọng còn phát sinh trước khi thành tiếng nói cũng nên.

Đây là một *thứ nghệ thuật* như những nghệ thuật khác, nghĩa là một sản phẩm của trí khôn loài người tô điểm cho cuộc đời thêm thì-vị, và làm đẹp thêm những vật liệu mà trời đã phú cho ta.

Trái lại sự rời rạc của Nghệ thuật, Khoa-học bao giờ cũng giữ tính cách lạnh lùng thực tế, như một cái máy lăm có thể giữ cho nghệ thuật được luôn luôn cân đối và thăng bằng.

Giáo dục âm nhạc

Khi đã thấu hiểu và quan-niệm Âm-nhạc như thế, người ta sẽ định sự giáo-dục Âm-nhạc một cách tốt đẹp được.

Những lời khuyên sau đây là của giáo sư Albert Lavignac, của 40 năm kinh-nghiệm trong sự học và dạy ở trường Âm-nhạc Paris. Vì thế, đối với những người muốn trở nên một nhạc-sĩ tài-năng nhà-nghề, hay học để thỏa mãn sự ham thích Âm-nhạc, cũng chỉ là một chuyện học nhiều hay ít thôi, nên những phương-pháp và lời khuyên của giáo-sư cũng gần giống nhau vậy. Giáo-sư muốn đem cái hiểu biết riêng của ông để khuyên bảo những nhạc-sĩ ở 2 hạng nói trên và những người chuyên riêng về một ngành của Âm-nhạc (Hát, Soạn bài, chơi đàn).

Trước hết, khi định cho một em nhỏ theo học Âm-nhạc, với cái hoài-bảo thấy con sau này trở nên nhạc-sĩ có tài, phải xem cái khiếu riêng của em. Ta đừng nên tưởng rằng ta thích đàn, nhạc là con ta *phải thích, phải có khiếu*, về Âm-nhạc không hẳn thế đâu! Vẫn biết ta thường thấy những gương hợp mà ảnh-hưởng gia truyền rõ rệt như họ «Bach» ở Đức đã truyền nối mấy đời lòng lấy về Âm-nhạc, họ *Liortensius*, đời thượng-cổ họ *Curion*, họ *Lysius*, đã nổi tiếng về tài hùng biện họ *Eschyle* mà trong một gia đình có đến 8 thi-sĩ lòng tiếng một thời, họ của Tô-đông-phá mà 3 cha con đều văn-chương lối lạc, nhạc-sĩ *Mozart* mà người cha chơi violon giỏi....

Ta còn có thể kể bao nhiêu người khác có cái di-truyền tốt đẹp như thế nhưng, trái lại, có bao nhiêu người có thiên-tài mà cha mẹ không có tư khuynh hướng nào về Âm-nhạc.

Ta hãy nghĩ đến Berlioz, nhạc-sĩ, mà cha làm thầy thuốc, cũng muốn Berlioz trở nên bác-sĩ. Wagner, mà gia đình thích trở nên họa-sĩ, và đã vì ham-thích Âm-nhạc mà làm buồn cho cả nhà, không ai tin rằng ông có khiếu về Âm-nhạc cả.

Lavignac muốn nói thế là để tỏ rõ ta không nên tin rằng cái thích của ta lại là cái thích của con ta, và con trẻ khi định cho học Âm-nhạc hãy xem cái khuynh hướng riêng của nó, nếu không Âm-nhạc lại là một điều khổ-cực đối với nó. Giáo sư nhắc ta nên để ý đến ảnh-hưởng của hoàn cảnh mà đưa bé được nuôi dạy. Nhiều khi ta thấy những đứa trẻ nhớn lên nói mớ cái thô-ngữ của người vú nuôi lúc nhỏ, khó mà bỏ được, vì đã quen quá rồi.

(Xem tiếp trang 20)

MƯA PHÙN

== HU'ONG MINH ==

Mưa phùn lai-rai từ sáng.

Mưa phùn năm nay lỗi thời, không vào một chạp mà lại vào giữa xuân. Nhưng, không hề chi. Dù đến lúc nào, bây giờ nó cũng là khách quý. Tôi nói bây giờ, vì tôi mới nhận thấy ở tôi một tấn bộ lớn : tôi đã yêu mưa phùn ! Tấn-bộ ? Chưa chắc đã là thế, nhưng tôi không muốn dùng chữ « thay đổi », vì nó vô-tư, không nói gì hết cả. Dù sao cũng có một việc, tuy nhỏ-mọn, nhưng nó liên-lạc với cả một nhân-sinh-quan mới mẻ : tôi đã yêu mưa phùn !

Thật vậy ! Tôi không còn hăm-hực như xưa mỗi lần bạo-hóa đem cái màn tang cũ-kỹ và âm-út ấy ra bao trùm cảnh-vật. Xưa, tôi sống yên và nhàn-nhã, như tất cả mọi người. Hơn nữa, tôi là một kẻ chôn chân ở thành-phố, quanh năm quen những cái vui sáng-sủa, khô-ráo và sạch-sẽ của phồn-hoa đô-thị. Thời ấy (trời, thế mà đã xa rồi !), thời ấy ai nấy chỉ có một việc hưởng cuộc sống. Như thế cũng không hại gì, vì tuy không hẳn có gió Thuần, mưa Nghiêu, nhưng trong trật-tự của tòa-bình người ta được phép nghĩ đến mình, đến những tiện-nghĩ, khoái-lạc riêng cho đời cá-nhân nhỏ bé mà không là ích-kỷ. Bây giờ mưa phùn nó chỉ là sự phá quấy. Nó tối, nó bẩn, nó lạnh, nó ỉ-ê, lớt-mướt như lệ thảm của người sưng-phụ. Và nó giam cầm tôi trong phòng với nỗi nghèo-nản của tâm-hồn bất-lực, chỉ muốn rũ những ấn-tượng nặng-nề, hiu-hắt, nhưng càng rầy-rụa càng và phải tưởng âm-thấp

Nhưng ngày nay tình-thế khác.

Ngày nay, một thảm-họa sắp trên hoàn-cầu. Loài người, chán nhân-nghĩa và những thuyết ái-tha của mấy ông thầy kim-cổ, mà tiếng nói bây giờ bật mất, loài người đang ra sức tương-tàn. Không phải lần đầu : và cũng không có gì chắc rằng đó là lần chót. Hình như có một định-luật — có người quả-quyết thế và dám đem Phồn ếp nó theo những cấp-số gay-go của toán-pháp — bài

quốc giống người cứ qua mỗi thời kỳ có thể lĩnh được, lại phải tàn-sát nhau một chuơn. Nguyên-do chỉ là sự tranh sống trên trái đất già cỗi quí, không đủ sức nuôi hết các con ! Nhưng ta hãy để nguyên chuyện ấy.

Về việc giết chóc, nhân-loại quả đã tiến nhiều. Mỗi lần, người ta lại tìm ra những phương-pháp và khí-giới « tối tàn », để làm cho những sông máu, núi thầy được ghè-gom gấp trăm lần trước. Giết, giết nữa ! Tút tưởi tuét-tuyệt vớ tan-lành, cứ say-sưa giết đi, và bao nhiêu cũng chưa là đủ ! Nhưng có chi . . . à thôi, xin đừng tìm nguyên cớ và cả những lẽ người ta viện ! Đó là đất chinh-ti.

Ta hãy nên nhận một thực-sự ! chiến-tranh. Và ta hãy nhìn con m-loạn tràn lại khắp chốn. Từ thành-thị đến các làng hẻo-lánh, nơi chỉ có những người làm-lụng, yêu-mến và hòa-hải, dần dần cũng có những kẻ mà ta không biết gì, ngoài sự họ cũng là người, vật hiện đến như ác-mộng, gieo kinh-hoàng và cái chết. Vạn-minh để ra mây bay, đời chúng ta bị chi-phối bởi tiếng còi báo động.

U ú u ! Còi đã rúc. Thôi đừng làm, đừng ăn, đừng chơi, đừng ngủ, đừng cụng, đừng lễ, đừng lo lắng, bần khoản gì nữa ! Chạy đi, chạy đi ! Nhanh lên, nhanh lên ! Ầm ầm người ta đóng cửa, hốt hoảng bỏ nhà, rầm rập kéo đi, từng đàn từng lũ, tất tưởi chui vào những hầm trú ẩn ! Có người nghi ngại, hoặc không thích chật hẹp, chạy miết ra cánh đồng. Họ tìm gò đồng hay một cái mả, để nếu cần họ sẽ nằm xuống bên, nhờ người chết che chở cho mình sống sót. Nhưng trong khi đợi, họ không có gì làm cả. Họ nhìn ruộng lúa, bờ cỏ, ngọn tre. Một dịp cho họ gần thiên nhiên : kết quả bất ngờ ! Họ không chịu theo những người họ đề trở về đời ở lỗ của những thủy tổ tối tăm. thì ị ra, ở đấy, họ cũng trở về với đất. Lúc có

biển, họ sẽ ôm lấy nó, trước khi đến ngày họ tan hòa vào nó.

U ú u ! Còi hết, bắt đầu tựa tiếng gầm đả từ buồng phổi rộng-rãi của con quái vật vươn mình ngáp dậy, một cơn thú khổng-lô, khi Đờ trổng-trọng, như ở thời trái đất sơ-khai. Tiếng còi bốc dần, d òn mĩ, hạ thấp lấy hơi, rồi lại chồm lên nữa. Nó hồm-hồm bay trổng gió, tỏa nhũn không gian, v òn trên thành-phố cái âm-thanh nã-nùng, dài và vồn con đờu đản. Nghiêm-khắc nó kêu to cái chết để làm ngưng mọi nét mặt, gần trăm mọi nụ cười, rút người ta ra khỏi mọi ham mê. Nó x òng vào chĩa thiếu-phụ, nó xô vào lòng con trẻ, nó thúc vào lưng bà lão, nó đánh tan nốt nghê-lực mông-mạnh của người nằm trên giường bệnh.

U ú u ! Người trốn rồi còi vẫn la hoai. Một tiếng ồn có bao nhiêu tiếng xa đồng-vọng, ở bốn phía châu-thị nh, tiếng trầm thỗn-thức, tiếng gắt nạt-nộ, nhưng tiếng nào cũng ảo-nã vang tận đáy lòng. Một cảnh hoạt-động cuối cùng : những xéc-cu-lôa, nặng-nề lăn đến những đờn phòng-thủ, làm rung các kính và kêu bi-bô, liên-hồi, hót-hải, cho tăng thêm phần thê-thảm.

Còi rú một tiếng sau chót, nhưng nổi ai-oán eh, a tan nên còn cổ rệp-rỉ giấy lều. Tiếng còi cắt đoạn ý nghĩ của từng người và treo hồn lơ-lửng trong một hoai-nghi, rấm-rút. Không khí nặng uừ-ừ, vẫn như ợm mồm độc-địa: cái chết gần quất đầu đây, không trông thấy nhưng mà cảm thấy.

Còi tắt hẳn rồi. Bly giờ người ta chờ đợi. Chợt có tiếng động-cơ. Cả sự sống bỗng dồn vào nghe ngóng . . . Một chiếc ô-tô qua ? Hay tiếng gì mà tai sọ-sột nhận lẫna ? Nhưng không ! Máy rền và nện . . . kêu ở trên trời, mỗi lúc nghe một rõ. Thôi, đúng rồi : Nó đấy ! Ngồi xuống đi và còi ơi, xin cô đừng khóc, cô hãy cố bình-tâm mà cầu-nguyện !

Bùng ! Ấ, đây là súng cao-xạ. Chúng đã ở trên đờu ta. Rồi là nhạc-tấu của liên-thanh : tặc-tặc-tặc . . . Nghi-lễ đó tiếp. Ta đang ở giữa cuộc hội ! . . . Kìa kìa, phi-xơ địch luôn trông đám mây ! Một chiếc, hai chiếc, ba chiếc . . . chúng đông lắm, lớn lắm, toan lắm . . . gai mắt lắm ! Động-cơ của chúng réo vang, như một nỗi nước lớn hăm ở trên trời. Đờn mỗi người chỉ treo

vào sợi tóc. U. ú. úm ! . . . Đứt rưng rưng. Nhả run-rẩy. Vài cái cửa kính rơi choang . . . Thời xong, ở một nơi gần đây, có nhữg linh-hồn đang lia vác ! Nhữg sinh-liên mưng cái tội sống lầm thời và có ngờ đâu, mõi đây một phút, rằng mình . . . trả nợ . . . Tặc-tặc-tặc-tặc Súng vẫn lấp-bập rủa, nổ mồm và đánh-đá. Nhưng tiếng nhỏ và thưa dần. Rồi sau cùng yên lặng. Một yên lặng lạnh gáy. Không một cái gì thổ, không một cái gì động. Cả thành phố là một bãi tha ma . . . Chúng xa rồi ! Chỗ qua đây chỉ chừng vài phút. Nhưng thế cũng đủ, và chắc hẳn bây giờ chúng đang mẩn-nguyên !

Còi háo yền. Cũng tiếng còi ấy, nhưng không nức-nở vẫn dài. Có phải vì thế mà nó thành một tiếng reo vui ? Nó cất hết lo âu, còi hết trời buộc tháo khoán cho tất cả, như ở truyện « Hàng Nga ngủ trong rừng ». Xe lại chạy. Người ở đất chui lên. Ai nấy đi nhanh cho mau biết nóc nhà mình có còn không. người ta vội bới nạn - nhân và dọn diêu-tàn, để xóa được chừng nào hay chừng ấy, những vết-nhơ của một thời-đại. . . Nhưng thôi, anh ơi, xin anh ngừng kể những nỗi thảm mục anh vừa trông thấy. Anh than có ích gì đâu ! Ở thời mà người ta đang sống, những suy-nghĩ và đau-đớn lòng đều là vô-nghĩa. Ta im đi !

U ú u ! Người chưa kịp dẹp thương-tâm, còi đã bách đi ần nữa. Không có thì-giờ cho một ý-tưởng gì thành hình. Khối óc kênh-càng, vô-ích. Quên đi ! Chỉ có bắp chân là cần và nó phải khỏe để . . . chạy. Chạy trốn người, trốn mình, trốn tất cả ! . . . Nhưng tôi đã bỏ sót hai tai. Chúng phải rất tỉnh-táo. Đề mà nghe còi ! Còi, còi, còi ! Lâu dần chúng đâm đồn. Một cái xe mở máy, một tiếng rao hàng, có khi chỉ một tiếng động hão, chúng cũng nhói lên và vội mách rằng còi bắt đầu ! Sau chiến-tranh, những giác-quan của ta liệu có khỏi sai lạc chẳng ? Dù sao, thiết tưởng cũng có thể nói đặc-điểm văn-minh của thế-kỷ này là phi-cơ và . . . còi báo động.

Chúng là ám-ảnh của đờn hiện-tại. Một hình-minh rực-rỡ, một bầu trời trong sạch, một sáng mùa thu dịu nắng, với gió nhẹ phẩy nhành lan và khẽ nâng cánh bướm trên đài mẫu-đơn đỏ phớt, làm sao ta không quên nỗi tiếng còi đề say cảnh ấy và h rởnng ven lấy vài phút nhàn sinh ? Cũng,

như những giá trị đương thời, mọi quan niệm của ta đảo ngược. Một ngày đẹp đẽ, như có người đã vẽ nên tranh hài-huớc, là một ngày vãn-vũ đầy trời cho người hời dạ vì đỡ lo nạn trên cao.

Cho nên sáng nay mở mắt thấy mưa bay tới-bời, tôi đã có một ý rất ấm, tuy trời rất lạnh: «May ta được một ngày yên-định! Liền cùng trở dậy tôi ra đứng ti cửa sổ. Tôi nhìn không chán những hạt nước be-tí, nhẹ-như lòng tôi lúc ấy, nó dẹt không-khí thành một bức màn thua mà thỉnh-thoảng gió làm xô-rạt. Mưa phùn! Ôi sung-suong! Nó múa ở trước nhà, nó vờn trên thềm cỏ, nó hôn vào mặt đất. Nó không ngăn người đi, nhưng nó tỏa khắp một vùng bát-ngát, cho trời đục ngầu một màu trai khảm. Nó chỉ khẽ phớt lên da và chẳng ai để ý nó chớm vào quần áo, nhưng nó đủ rồi-rào thấm vào động-nội và ruột cổ cây. Mỗi giọt bé-bỏng chệch-choạng đến gieo vào mái tóc, lại gọi một ý-tưởng ở trong đầu tôi dậy. Tôi nghĩ liền-miên bao nhiêu cái một lúc. Tôi nghĩ đến lưng không mờ-mịt, khó chịu cho những «trường nhà trời» bất-bảo, và tôi bắt chợt được mình mỉm cười khoái-trái. Tôi nghĩ đến muôn triệu người, cũng như tôi, rất bằng lòng như thế, để ai nấy cứ chăm lo sản-xuất, chế-tạo, rèn-luyện, khảo-cứu, tư-tưởng, tổ-chức, kiến-thiết, xây-dập những nền móng hoà-bình, mặc dầu nước sôi lửa bốc và trong khi mọi cái đều sụp đổ bên mình. Tôi nghĩ cả đến những sự thiết-thực nhỏ mọn, như thừa ruộng nứt, ngọn lúa cần, luống khoai rần mà tôi trông thấy đã mấy tuần nay ở ngoài châu-thành. Và tôi nghĩ đến câu thơ: *Cửu hạn phùng xuân vũ...*

Như một bức phồ-họa, một cảnh ngẫu-nhiên bày ra trước mắt tôi: cây rêu ngoài vườn, sau một đêm tắm mưa, hãnh-diện khoe những mầm mới nở. Lá hơn vmon-mỡn, đỏ ửng để làm hồng lòng thiếu-nữ, và trong đến nỗi tôi tưởng nhìn suốt được những mạch nhựa vi-ti. Bằng ấy sinh-lực tung-toé, khiến tôi ngây người cảm-động. Hôm qua tôi thấy gì nữa? Đó là một tác-phẩm của mưa phùn. Thế này, đừng trách nó âm-u! Nguồn sáng tạo nào không lọc âm-thầm trong bóng tối?

Mỗi cảm-súc nhẹ của tôi bền hết buổi sáng. Tôi đi phố, khoan-khoái hứng bụi lạnh của mưa bay và khi về nhà tôi không tiếc cái quần lấm lấm,

Buổi trưa tôi ngủ một giấc ngon. Lúc no mắt, tôi chưa buồn dậy. Chân ấm quá. Ngoài tường, lá cau cọ nhau lat-xạt. Nằm yên mà nghe gió và nghe cả mạch máu của mình chuyển-vận, với cái nóng ôn-nhu trên ngai ời, thắm vào từng thớ thịt, thú-lạ: Tôi hé mi mắt mong nhìn khe cửa khép: mưa vẫn còn. Tôi làm! Lưng bó giữ lại gọi ' ' và khi được ngày ly-tường để mà lui-biêng!

Nhưng tôi bỗng thót giạt mình. Tôi vừa nghe thấy tiếng còi: tôi thật ở ngoài ngan-dạm đề-ngợi tội no. Cái phả-vọng vãn-dộng ở tôi đột-hiện quá tôi không cần nghĩ, nhưng tôi cũng-đập giữ một lời nguyện rủa. Vậy là mưa-cung chẳng làm gì: *Chúng* đến như thường! Tôi đã ngây thơ tin tưởng rằng một lớp bụi nước mỏng tang, nhẹ như lời thề vàng đá, đủ bảo-hiễn được cho những kiếp sống phù-du! Ở bên Âu, sương tuyết cũng không ngăn chúng. Mà ở đây, chúng cũng đã đến cả trong đêm tối. Cái gì là sự bảo-hộ chắc-chắn, đối với chủ-tâm tác-ác của giống người? Năm mờ chang? Song những năm xương khô dưới đất không phải bao giờ cũng được tôn-trọng cả. Khoa học chiến-tranh mà Nhân-loại sẽ đi tới đâu? Thời cũng đừng gọi vãn-đề vô-ích ấy. Biết làm gì? Và lại sẽ không có câu trả lời. Nếu chỉ là những ức-thuyết xán, thì xin cảm ơn, ta không cần nghe. Đòi đủ xam rồi!

Tôi vẫn biết cái vui mong-manh như ngọn lửa thang, như ráng chiều tà, như giây khò nhạt, cho nên mỗi khi hứng được nó, là tôi hết sức mừng-niêu. Cũng như suốt buổi sáng nay tôi giữ-giữ, áp-ù những khoái-cảm của lòng. Một ánh hương trời là của hiem, phai tàn-trọng mà hướng-thị. Tôi hưởng với cái say sưa lo ngại từng giây, mỗi lúc chỉ sợ nó tan. Sự bất-trắc làm cho tôi tang gập Lội. Nhưng bây giờ thôi rồi! Phép mâu hết. Nhưng, cái gì có cánh ở lòng tôi đều bay tán tở phương. U á u! Còi xua đuổi tất! Tôi bỗng chốc thành con sứa nhèo. Bao nhiêu sóng ca reo lui biển ra khơi, n.ét sứa nằm lơ lửng trên bãi cát. Sứa ơi, rầy làm chi cho tội!

.....

HƯƠNG MINH

Tr. 44

TẬP VĂN TRONG VĂN HỌC TRUNG-QUỐC NGÀY NAY

Ý nghĩa và phong trào

«Độc Kinh» và «Tôn Văn»⁽¹⁾

NGUYỄN VĂN CUA DUY MINH

VÔ TÂM dịch

Sau trận Nha-phấn chiến-tranh (2) dân tộc Trung quốc đã bước vào một vĩ-dải lịch-sử mới. Chủ-nghĩa tư-bản Âu-Mỹ tràn qua làm cho xã-hội tan-hóa nước Tàu cũng phải nhẩy vọt theo đường quỹ đạo tiến hóa. Đầu tiên cuộc Mạt-Tuất chinh biến (3) đã làm cho lung lay nền tảng chế độ cũ. Rồi thì cuộc Tân-hội cách mạng (4) lại tiến lên một bước nữa mà đánh đổ cả cơ quan tổ chức của nền chính-trị ngày xưa. Cho đến thời kỳ tân-vai-hóa của cuộc Ngũ-tử vận động (5) thì đối với tất cả văn học tư tưởng xưa kia truyền lại mọi người đều nhận thấy rằng cần phải đem ra mà phê bình cho công bình và triệt để.

Thời đại đã bắt buộc cả một thể hệ phải xem hết bao nhiêu những di sản ngày xưa mà đánh giá lại.

Bởi vậy, trong thời kỳ Ngũ-tử không những người ta đã cộng nhiên phản đối với nền lễ giáo xưa nay vẫn được tôn sùng mà thôi; mà bao nhiêu thánh-kinh hiền truyện ngàn xưa để lại, bấy giờ người ta cũng đã đưa ra phê bình lại, rồi gởi vào cất ở các viện Bác-vật nổi. Tiếng rằng: «Về mặt thực

hành, cuộc Ngũ-tử vận động còn chưa làm được hết nhiệm vụ lịch-sử của nó, nhưng trong các công cuộc «phản đối độc kinh», «phản đối văn ngôn» (phản đối lối văn cổ) và cải lương chữ Hán, thì cũng đã được những trận thắng lợi khá vẻ vang rực rỡ. Mấy cuộc nội loạn trong khoảng 1925—1927 lại làm cho mấy cuộc thắng lợi đó được củng cố và phát triển thêm một cách rất nhanh chóng.

Thế nhưng, mà thời kỳ đã bước đến năm 1934. Bao nhiêu sự trạng đều biến chuyển hết. Trong lúc từ Nam chí Bắc, từng bùng người ta bày biện nào là «Hội kinh lão», nào là «Rước tiết-phụ» nào là khao «đầu thảo», «con hiền», thì cái khẩu-hiệu «Độc-Kinh cứu-quốc» (1) lại ở đầu từ vùng Quảng Đông đến ngược lên âm mồn chuyển cả cung mây. Các nhà đương cục tỉnh Quảng Đông cho rằng: «Thực hành lối dạy trong Kinh, truyện, là một trách-nhiệm rất cần rất khẩn cấp để mà nâng cao trình-độ giáo dục, để bảo-tồn quốc túy, và để khôi-phục lại cái nếp đạo-đức sẵn có từ xưa của Trung Quốc». Vậy người ta đã thông sức bắt buộc từ ngay năm học này, trong các lớp trên ban Tiểu học và trong tất cả các lớp Trung học đều phải thực hành chương trình dạy kinh truyện. Ngoài ra, các tỉnh thành khác như ở Hồ-Nam, Thượng-Hải cũng vậy, đều

(1) Phong trào học lại Kinh truyện ngày xưa, và viết theo lối văn Cổ, do chính phủ Dân-Quốc chủ trương từ hồi 1934-1935, mục đích là cốt để phản-đối với văn Bạch-thoại, và tư-tưởng tả-phái.

(2) 1834

(3) 1818

(4) 1911

(5) 4-5 1919

(1) Đọc lại Kinh, Truyện để mà tìm phương pháp của nước.

có chương trình đại hội về môn học Kinh-tử tại Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở Paris. Trong lúc ấy ở Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở Paris, đã lo tổ chức nên «Hội Tồn-văn». Họ chủ-trương phải bảo tồn lối văn «Văn-ngôn», phải «bảo tồn Hán-tự» và phải lấy văn chương tiếng các kinh truyện, chính sử, Chu-Tử, Bách-gia làm tiêu chuẩn duy nhất của quốc-văn rồi sẽ nhờ đó mà nâng cao trình-độ văn-học của học sinh và cứu vãn nước nhà trong tình thế nguy ngập này.

Vì sao, ngày nay, sau khi cuộc Ngũ-tử vận động xảy ra đã có mười sáu năm rồi mà bấy nhiêu đồ bỏ đi những vật bị người ta quăng vất, thả xuống hồ từ bao giờ mà còn ở trong mồ ma nhầy nhụa, và tổ chức lại được một cuộc «khiên-vũ âm-li» ở giữa trần gian này.

Vì câu hỏi đó, chúng ta không lẽ không chịu khó tìm lấy một câu trả lời cho thỏa đáng.

Trong một bài diễn-thuyết ở Hương Cảng, Bác-sĩ Hồ Thích cũng đã giảng giải về vấn đề ấy. Ông nói:

«Ngày nay ở Quảng Đông có khá nhiều người hết sức phản-đối lối viết văn phổ-thông. Họ chủ trương viết theo lối văn cổ. Không những thế, họ lại đề xướng sự đọc kinh truyện. Tôi lúc đầu, thật không hiểu. Số là tỉnh Quảng Đông chính là nguồn gốc các phong trào cách mạng; thế có sao trong lúc ở các tỉnh khác đâu đâu cũng đã, cũng sẽ những phong trào cải cách mà ở đất Quảng Đông lại quay về khuynh-hướng thủ-cụu như vậy?»

Sau lúc đã đặt câu hỏi trên đây, Hồ Bác-sĩ tuyên bố rằng: đã «khảo sát kỹ càng» và trong đoạn kết luận, họ Hồ «nhận thấy rằng chỉ là đất Quảng Đông xưa kia chỉ là một vùng đất thực-dân của Trung Quốc mà thôi. Vậy nên văn hoá Trung-nguyên ở nhiều chỗ khác đều đã thay đổi, mà ở Quảng Đông còn giữ lại.

Ý kiến của Bác-sĩ họ Hồ trên đây hẳn nhiên là một lối kiến-giải lầm to. Sự «khảo sát kỹ càng» của họ Hồ, các Bác-sĩ đi vào một câu kết luận đến với văn Hạng-chưa

còn nói đến gì hương của chánh-quốc và đất thực-dân làm gì. Chỉ một câu văn hoa Quang Đông là văn hoa đất thực dân của Trung Quốc cũng đã không thông. Số là câu ấy dùng vào trước đời Minh, đời Nguyễn, đời Tống tu còn có thể được, chứ ngày nay ai còn có thể nói rằng văn hoá Quang Đông là văn hoá mọi khu đất thực dân? Cừ xét theo sự thực thì từ lúc hủ-nhĩa tự-bản đã xâm loà Trung Quốc, thì tỉnh Quảng Đông là một địa phương đã tìm nhiệm văn-hoá Âu-tây trước cả nơi hết. Nghĩa là nói về công cuộc vận-dòng, trong văn hoá thì tỉnh Quảng Đông vẫn là một địa phương đi trước cả các tỉnh khác. Vậy thì sao không chủ ý điều ấy mà lại chủ trì rằng phong trào «Độc kinh» là một di vật của văn hoá Trung-nguyên để lại cung cho Quảng Đông? Thế thì đối với phong trào ấy ở Ho Nam hiện nay, và đối với phong trào «Văn ngôn» thì xưa kia Chương sĩ Chiền đề xướng trong chính phủ Bắc kinh, Hồ Bác sĩ sẽ giải thích thế nào cho trôi? Vậy chỉ cần cứ vào địa lý để giải thích công cuộc vận động phục cổ, như lối Hồ Bác-sĩ là làm, làm to, và cung là một lý luận nguy hiểm.

Lại còn nhiều người cho rằng: phong trào phản-động, phong trào «Độc Kinh» «Tồn văn» số dĩ có thể ngóc đầu lên được là vì công cuộc vận-dòng cho tân-văn hoá đã hoàn toàn thất-bại rồi. Phải hiểu cho lời giải-thích này là tờ «Đài vắn-báo». Một bài xã thuyết trong số ngày 3 Mars, tờ báo này, đã tuyên bố rằng: «Nếu như công cuộc vận-dòng cho tân-văn-hoá không thất-bại hoặc không suy-nhược đi, thì lối văn «Văn-ngôn» quặng không có thể phục sinh giờ lại được. Văn «Văn ngôn» số dĩ có thể hồi phục, là chính bởi sự suy vi của văn Bạch thoại,

Ý kiến trên đây cũng vẫn không thông. Thì cứ bình tình mà xét, từ hồi Ngũ-tử đến nay có phải là văn Bạch thoại bao giờ cũng phát triển vùn vụt một ngày một vừng vàng thêm, chứ đã hề thất lại bao giờ, trụ-lạc bao giờ? Thấy phong trào «Độc-kinh» «Tồn văn» phát triển mà bảo rằng văn Bạch thoại đã phá-sản, thì thiệt chỉ là làm cho bọn Cờ-

Trục và Giang-Cang-Hồ đặc chỉ mã thời, nào có phải là một lời giải thích xác đáng về vấn đề trên kia?

Nghĩ lại cho kỹ thì số dĩ trong thời kỳ này mà phong trào phản động đó còn có thể phát hiện được không phải là vì «Đất thực dân vẫn bo bo giữ lấy văn hoá cũ của chính quốc» cũng không phải là vì «văn Bạch thoại đã hoàn toàn thất bại» Lý do trọng yếu của những phong trào đó là một nguyên-nhân khác, và có ý nghĩa xã-hội rất rõ ràng. Bấy nhiêu hiện-lượng văn-hoá xuất hiện vào thời kỳ này, không phải là một việc ngẫu-nhiên, mà chính là kết quả tất nhiên của nhiều điều kiện lịch-sử hiện thời,

Thời-dại ngày nay đã trải qua mấy cuộc vận động lớn như phong trào Ngũ-tập (1) và cuộc biến loạn 1927. Sau 1927, chúng ta lại thấy những trận binh hoả như trận Cần-Nhất-bát (2) và Nhất Nhĩ-bát (3). Dưới sự xúc-động của thời cục, một số người kết luận ngay rằng: Nguy cơ đệ-nhất của tương-lai nước nhà là tư tưởng bọn thanh-niên. Tại chúng nó không những không biết «kính kẻ già trọng người hiền» không biết «vàng lờ» mà thôi; chính nó lại không chịu «yên bần thủ phận». Chúng nó đọc sách ngoại quốc, rồi cứ bàn bạc đầu đầu những chủ nghĩa gì gì ấy!... Động một tý là đòi phản đối cái này cái cách cái kia! Ấy thế: «nhân tâm bất cổ» (Lòng người không như xưa) «tư tưởng quá khích» như đường kia, thì làm thế nào mà thiên-hạ không loạn lạc kia chứ!

Số là họ cho rằng bao nhiêu sách vở ngày nay, hề không phải là cá-nhân chủ nghĩa gì gì đó, thì tức là xã-hội chủ nghĩa, không thì cũng vô chính-phủ chủ nghĩa! Vô chính phủ chủ nghĩa quyết là hỏng, nhưng xã-hội chủ nghĩa lại càng hỏng nữa!... Nói gì đến cái cá nhân chủ nghĩa chỉ xui dục lại thanh-niên chủ ý đến vấn đề cá nhân, và lo tìm những ý nghĩa gì gì cho đời sống cá-nhân: thì quyết là một chủ nghĩa dở thừa nhất rồi!

Thì chi hơn là chúng mình cứ đập sách kinh truyện của mình ra mà theo lấy đạo Trung-dụng kia! Trong đó, ta có thể học những lễ-phép giữa trưởng, ấu, tôn, ti; trong

đó ta có thể mà tìm một con đường luân-lý mà nói theo: «kẻ quân tử nằm yên phận với chữ bần; người thiếp giả biết chịu cái mệnh giới cho»; ta có thể theo gương «trung quân ái quốc» ta có thể đào luyện lấy trăm phần tinh chất nó lại.... Theo ý kiến của một hạng người, thì những của ấy chính là phải thuộc thần-diện đệ nhất để chữa bệnh cho thanh-niên ngày nay; và chỉ cần rót bấy nhiêu ý tưởng vào óc bọn thiếu niên là có thể cứu được Trung quốc. Và lại đọc kinh truyện mà thôi, cũng còn chưa đủ; còn phải bắt chúng nó kính cẩn cúi đầu cúi óc vào trong đồng giấy loại ngày xưa kia mà vẽ bời nữa, đấy mới là thiết một đạo phù-chủ công hiệu đệ nhất để buộc chữ chúng nó lại.

Cũng như hồi cách-mệnh nước Pháp ấy mà, Đã có tể-nhà học-giả vin vào lý-luận duy-vật để phản đối tôn-giáo. Nhưng lúc bọn họ đã nhảy lên làm chính-quyền, tức thì họ vin vào tôn-giáo để phản đối phái duy-vật. Ở Trung quốc ngày nay, chính giữa tình hình đại biến-động này, đã bao nhiêu người lâu nay vẫn dùng văn Bạch-thoại để chống lại văn Văn-ngôn, thì bây giờ lại cổ hoi, cổ sức mà giở mặt đi công kích Bạch-thoại! Xét kỹ tình cách cuộc vận động ấy ta có thể nhận thấy cái xu thế tất nhiên trong sự phát triển của thời đại, ta lại có thể nhận thấy cái ý-nghĩa xã-hội sâu xa của trào-lưu nữa,

Đầu sao bánh xe lịch-sử cũng luôn luôn đi tới đường trước. Phong trào «độc-kinh» và «tôn-văn» muốn đem những lực lượng yêu đời của nó ra mà ngăn cản không cho thời-dại đi tới, ấy là một điều không có thể thực-hiện được!... Không tin. Hãy ngóng chờ xem.

Trích ở tập Hiện-dại III, — 6. —

VÔ - TÂM dịch

Ở-TÔ... NHÀ LẦU
CÁI MỘNG ĐÓ SẼ THÀNH
SỰ THỰC, NẾU CÁC NGÀI
BỎ 1 \$ 00 MUA
VÉ SỞ SỞ BÔNG - PHÁP

XÃ-HỘI VIỆT-NAM

== TỪ' THẾ KỶ THỨ' XVII ==

NGUYỄN TRỌNG PHẤN dịch

Vua Lê thiết triều những hôm mồng năm và rằm mỗi tháng, nguyệt lịch để các quan bần áo tím hoặc lam, đội mũ vải vào bài vọng, — bài dột trong xứ, các quan phải dùng may mặc cho bộn tùy thuộc, — Chúa Trịnh cũng bận triều-phục ngồi cách chỗ các quan khá xa, tại một chỗ ai cũng ngó thấy ngài rõ, có quân thị vệ mang binh khí đứng hầu trong sân điện: các quan có sơ tẩu, dâng lên chúa thì qui xuống trình, đã có bộn quan thị đến lấy dâng lên, chúa có truyền điều gì thì cũng lại truyền cho bộn quan thị để bộn này truyền xuống...

Những việc quan trọng đã giao cho «Quan-so-ley» xét trước bên điện vua, lúc ấy mới đem đề chúa duyệt. — Vì chúa ít sang châu, có khi một tháng không được một lần, nên vua Lê ủy các quan triều sang bên phủ chúa để trình chúa những việc đã xét bên điện vua và đề chúa cũng quyết định như vua. Cứ kể, thấy các quan, nhất cử nhất động đều trang nghiêm, ai cũng chịu rằng triều chính thật có vẻ uy nghi, nếu các ngài bỏ cái lệ đi đấy. Chúa rất khoan hồng đối với các quan, có lòng thương; có phạm lỗi thì phạt tiền, giáng chức huyện chức hay phát văng, chỉ tàn sát khi họ phản bội thôi.

Ai có xin điều gì hộ thân quyền hay bằng hữu mắc tội thì đến trước mặt chúa bỏ mũ ra, quỳ lạy bốn lạy rồi mới nói. Chứng tám giờ thì chúa bãi chầu, các quan về cả chỉ trừ viên trưởng vệ và các nội thị. Bộn nội thị này hồi còn trẻ lại các việc ti-tiện, được quyền cùng với bộn nữ tỳ vào ra trong cung thất các bà phi. Họ là một tai họa của nhân gian, ăn bám vào chúa, làm hư chúa nhưng là tay gián điệp cho chúa. Họ chừng bốn, năm trăm, kêu cang, hầu điện, làm làm việc phi lý

nên có kẻ sợ, ghét và thù. Chúa thì họ làm hèn cả việc nước và việc riêng với họ. Tuyền vào phủ chúa được bảy tám năm làm những việc bộn thị rồi họ được hồ dần dần vào những chức cai trị, được cầm giữ một trấn, làm tể tướng, các võ quan và các cố sĩ.

Có vài quan thị có kỳ tài, trong số đó có 3 ông ông già Tu-Lea (chúng ta chưa kiếm ra tên thật của mấy vị này), ông già Ta Fao Bay và ông già How Fac Tack. Các ông này tính tình phong nhã làm cho người ngoài yêu mến xứ này. Họ không bị hoạn do tay người nhưng khi bé họ bị muông hay lợn dớp mất nên theo những người tin nhằm ở đây, mới riêng được đưa vị cao quý. Ông cuối cùng là ông già How Fac Tack, hiện còn sống và đương trấn giữ phố Hiến, một trấn to nhất trong xứ; thống lĩnh thủy quân và đứng đầu bộ ngoại giao; ông dùng binh giỏi, cai trị khéo, xử kiện công bằng; ông đáng khen phục, đáng làm thợ người đạo nào khi đã làm chức lớn mà không biết giữ lòng cao khiết, làm lành và tự trọng. Về ông thứ nhất là ông già Tu-Lea có tiếng là thông minh, được thiên hạ chú ý vì ông lên rất nhanh và chết rất bí hiểm. Chuyện ông như thế này: Lúc họ Trịnh mới lên cầm quyền, chúa Trịnh ước mong được một người có tài lương đồng để ủy thác cho một phần nhiệm vụ. Một đêm chúa nằm mộng thần nhân báo là hôm sau sẽ gặp được hiền thần. Đến sáng hôm sau thì ông già Tu-Lea có việc vào chầu và khuôn mặt, cử chỉ, dáng dấp đều giống hệt người trong mộng. Chúa cho vời ông lên và nhận thấy ông khôn khéo và am hiểu những bí mật nghề cai trị. Chúa thu dùng ông ngay và chẳng bao lâu danh vọng ông chẳng kém gì chúa; có khi hơn

nữa vì ông nói lại được ngời nghe, ngời su phượng, người sợ. Ta không hiểu vì sao, vì một đêm ông cũng thả đi đầy đủ như ngời thờng, trái với phạn sự của ông, vì ông vô ra, vì ông có ý muốn truất chúa đề lên thay, hoặc vì chúa có lòng ngờ, mà ông bị bốn con ngựa phân thầy, thân thể tứ chi bị bằm vằm rồi đốt ra tro vút xuống sông.

Mỗi năm vào cuối tháng chạp các quan văn võ đều tuyền thệ lòng trung thành với vua Lê chúa Trịnh, không giấu một cuộc phản bội, một cuộc âm mưu nào. Kể trái lời xin chịu hình phạt.

Các quan cũng bắt vợ con và tôi tớ thề với mình như thế. Ai tố cáo ra một vụ làm phản được những 30 đồng và được bênh vào một chức nhỏ, trái với món tiền lớn ông Tavernier đã nói.

Một nam gọi lính một lần. Ai cao lớn thì xung vào quân thi vệ của Chúa; những người vừa thì được tuyền vào các ngạch tùy sự cần dùng. Những học trò và những người có nghề nghiệp thì được miễn. Tôi không biết lính dõng ngũ phải tội gì; vì theo tôi ở đây không có tội giảo như ng có tội trảm cho thường nhân; thân thích vua mới bị tội tử.

Họ không tin dùng người ngoại quốc, cho rằng không giỏi bằng họ. Nhưng khi ở Xiêm về, tôi được hỏi về tình hình xứ này và xứ Đường trong. Họ hỏi tôi xem thuyền có chở được quân lính đi biển không, tôi thưa rằng có. Chúa hỏi tôi nếu chúa giao cho tôi hai ba trăm quân để đánh Nam-hà thì tôi có chịu không? Tôi trả lời vốn dĩ là thương gia nên không có tài cầm quân và không giúp chúa về việc ấy được. Từ chối như thế rất tiện cho tôi lúc ấy nhưng rất hại cho tôi sau này khi bị người Tàu vu cáo.

Trong hàng quý tộc đây sự tập tuyền chỉ có trong họ vua; họ chúa thì đến đời thứ ba thôi; còn các quan đã thành tựu vì võ công, vì văn nghiệp hoặc tiền tài thì danh phận chỉ được một đời thôi, con cháu không được tập tuyền chức tước. Vì thế dùng cách thứ nhất ít người lên dùng cách thứ hai có vài người, dùng cách thứ ba mới có lắm người ham muốn.

Phủ liêu ở Kẻ Chợ, ở chính giữa kẻ Chợ. Phủ rộng lam, chung quanh có tường trong phủ và ngoài phủ có nhiều nhà thấp nhỏ cho quan ở

những nhà làm phía trong phủ có hai từ và nhiều cửa. Cửa to và đồ sộ, bằng gỗ lim cũng như trong cung điện vua nhưng tư thất và phòng các bà phi đều to tát, sơn son thếp vàng. Trước phủ có chuồng voi, chuồng ngựa; phía sau phủ có vườn, cây, đường đi, lầu nhỏ, ao thả cá để chúa hoa hoàn có ra câu hay giải trí, tuy chúa ít vì hạnh lâm.

XIII. — Không có lễ đăng quang và lễ tấn phong như ông Tavernier kể đầu.

Nếu suốt quyền sách của ông Tavernier đi đây những sự sai lầm. Thì chương 13 toàn những điều thêu dệt. Tôi đã cố đi dò hỏi những người có học, những bậc có địa vị trong xứ, không có ai chỉ được cho tôi biết rằng có lễ tấn phong và lễ đăng quang như ông Tavernier đã thuật tỉ mỉ đầu. Chẳng có nghi tiết gì cả vì phong tục đây không công nhận những phù hoa trang sức ghét sự phô trương. Khi vua hay chúa băng hà thì làm gì có cái lối tổ sự vui mừng đến với tân vương hay tân chúa, thì ai được phép đeo bạc đeo vàng hay mặc quần áo lông lấy. Một vị quan tuyền, khi lễ làng vua hay chúa, cấm không được dùng ngựa, cờ, cấm không được mang phục sức quý giá; trái lại các quan chức càng cao và họ hàng càng gần lại càng phải dùng những thức thô và xấu.

Đối với tân vương chỉ quý lấy là đủ. Ngài ban cho mấy quan chức có mặt ở đây, vài món ăn có đầu cánh lông lấy chốn triều trung, có đầu sự biếu lộ niệm vui sướng,

Vua đã dẫn dụ như thế thì năm 1682 khi chúa Trịnh Tạc mất, Chúa Trịnh Căn lên kế vị cũng lặng lẽ lên thay ở nước ngoài không ai biết cả. Tân chúa miễn cả lễ triều kiến cho các quan, miễn cả lễ chào mừng cho các kiều dân ngoại quốc đến triều tâng lên chúa và chúc tụng mình. Làm gì có súng đại bác bắn trên tường thành và trên tường thành không bao giờ có một khẩu làm gì có sự gọi quân lính ở biên cương về vì như thế thì khác gì mở cửa cho quân chúa Nguyễn vào được hai tỉnh quân này đã mất đi và bao giờ cũng muốn lấy lại. Làm gì có cuộc tuyền thệ trung thành với vua Lê với nước nhà để chống lại Trung Quốc; làm gì mà cuộc phát tiền đã làm ra tốn đến một triệu

NHỮNG CHÍNH SÁCH VỀ TIỀN TỆ

(Tiếp theo trang 8)

Chính sách tiền tệ cũng đã giúp ích vào sự hoạt động kinh-tế Hoa-kỳ trong khi giá mọi vật đều hạ nhưng khó lòng mà nói rõ được ảnh hưởng của nó với các tầng ngành kinh-tế vì đồng thời chính phủ Mỹ còn thi-hành bao nhiêu lệ luật mục đích là hạn chế sự sản-xuất và tăng giá sức mua của giai cấp thợ thuyền.

Sau cuộc thí nghiệm của Hoa-Kỳ : ở Âu-Mỹ chỉ còn có Pháp, Bỉ, Hà-lan, Ý và Ba-lan là vẫn cố giữ Kim-bản-vị. Nhưng cái «khối-vàng» đó chẳng bao lâu thì tan : 1934 Ý đặt kiểm-soát hối đoái 1935 đồng *belga* của Bỉ giảm bớt đi 28 phần trăm ; 1936, Hà lan bỏ lệ hoàn kim, cấm xuất cảng vàng và đặt quỹ giữ giá hối đoái. Còn ở Pháp thì một quỹ giữ giá hối đoái cũng đặt ra như ở Anh và Hoa-Kỳ.

Từ đây, hối đoái thành ra một thứ khi-giới để cạnh tranh về kinh tế ; nước nào cũng sẵn sàng cho tiền của mình hạ giá để cho kinh-tế khỏi bị ở ngoài uy hiếp. Tuy vẫn phải giữ cho đồng tiền khỏi mất giá để gây sự hỗn loạn ở trong nước.

Tháng chín 1936 hạ chính-phủ Anh, Pháp, Mỹ thỏa thuận để cho quỹ bình giá hối-đoái nước họ được phép đổi tiền lấy vàng tại nước kia, Bỉ Thụy-sĩ, Hà-lan sau cùng dự vào hiệp-uớc tiền tệ tay ba ấy ; nhưng nước nào cũng không giám quay lại kim-bản-vị vì sợ nhu thế sẽ không thể cạnh tranh nổi với các nước kia.

quan vàng nghĩa là một trăm năm mươi triệu couronnes bạc một số tiền mà tôi chắc cả xứ Đan-géc-gơ gom góp hết cả bạc vàng lại cũng không được, làm gì có việc vua ban bạc cho các võ quan chức thấp hoặc ở những chức không có trong xứ; làm gì có việc vua ban vàng với bạc cho chúa Trịnh khi chúa Trịnh cấp mỗi thứ cho vua Lê; làm gì có việc giết bao nhiêu thú vật để cúng tế như thế chẳng hóa ra giết hết trâu bò để cấy cấy và buộc dân sự nhin thịt suốt năm hay sao?

NGUYỄN TRỌNG PHẤN dịch

Tính đến giữa năm 1937, thì ta có thể chia tiền tệ các nước tư bản Âu-tây ra bốn loại :

1-) Chỉ có một đồng *belga* của Bỉ là còn liên lạc với vàng.

2-) Ba đồng, trong số đó có đồng *dollar* Mỹ có thể thay đổi giữa hai số vàng do luật pháp đã định.

3-) Một ít đồng lơ lửng không căn cứ vào vàng; đó là đồng *sterling* của Anh, đồng *florin* của Hà lan, và những tiền phụ-thuộc vào các thứ đó.

4-) Một số rất nhiều đồng thì do luật-lệ kiểm-cha định-đoạt trong số đó đồng *mark* của Đức

Từ khi xảy ra cuộc chiến tranh bây-giờ, ở nước nào còn để cho kinh-tế được đòi chút tự-do chính. phủ cũng bắt buộc phải can thiệp vào từng chi tiết các ngành hoạt-động nhứt tất nhiên tiền tệ và hối-đoái được nhà cầm quyền ở mọi nước nghĩ đến trước nhất : cấm xuất cảng vàng, hạn chế sự buôn bán với ngoài, kiểm-soát hối-đoái một cách chặt chẽ, v.v. đó là những phương-pháp thông thường ở đâu cũng dùng.

Về phương diện này, cũng như về mọi phương diện khác, bao nhiêu kinh-nghiệm đã thu-nhập được trong cuộc đại-chiến trước và trong vòng 20 năm nay, người ta đều đem ra dùng bây giờ.

Nhưng đó là những phương sách tạm thời hay sẽ là những phương sách vĩnh viễn ? Đó là một câu hỏi quan hệ tới nền tảng cả chế-độ tư-bản mà hiện nay ta khó giải khỏi được.

V. V. H.

THÔNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

Các người không thể trở lại cái thời cũ được. Các người hãy một lòng hợp tác để đợi cuộc hòa bình, đừng để trong nước rối ren. Chính-phủ phải được nhân-dân trọng vọng mà tuân theo.

GIÁO-DỤC ÂM-NHẠC

(Tiếp theo trang 10)

Hiệu cái ảnh-hưởng mãnh-liệt của những ngày thơ ấu, người La Mã xưa đã biết đề ý đến giọng nói của con cái từ nhỏ. Họ cố giữ cho con không nói sai tiếng của họ, đề sau này nhón lên, đứa trẻ nói tiếng La mã rất đúng.

Ta cũng phải Giáo-dục Âm-nhạc như thế. Đứa trẻ từ bé chỉ được nghe những điệu hát sai lẽ tất nhiên sẽ không thể tự nghĩ ra cách hát đúng, lâu dần cơ-quan thính-giác của nó (đang vào thời-kỳ phát triển) sẽ quen dần với sự sai lầm sau không bao giờ nghe đúng được nữa.

J. J. Rousseau đã nói : « Sự Giáo-dục của người ta bắt đầu từ lúc sơ sinh. » Fénelon cũng đã cho rằng những thói quen đầu tiên là những thói quen mạnh nhất. »

Vì thế, có nhiên trẻ nhón lên hát sai, nghe sai, chỉ vì lúc thơ ấu, đã bị nuôi trong 1 hoàn-cảnh xấu.

Lavignac khuyên nếu ta thấy thính-giác xoang hay nên lo cái ý-định học Âm-nhạc đi, vì sẽ không bao giờ ta trở nên nhạc - sĩ giỏi cả, chỉ phí thì giờ, đáng lẽ, làm việc khác, có lẽ kết-quả tốt-đẹp hơn. Và lại, nếu tai kém, học Âm-nhạc sẽ không thú-vị gì nữa.

Vậy trước khi định cho trẻ học Âm-nhạc, ta có những triệu-chứng gì tỏ là chúng yêu thích và có khiếu về Âm-nhạc. Từ 6 tuổi trở lên) nó nghe hát-nghe đàn, đứng ngồi n.ết mình hay gõ xuống bàn, xuống kính thành nhịp điệu, đề cổ bắt chước hay hình dung của dáng đi hay một điệu nhảy, cũng là một dấu hiệu đáng đề ý đó. Nếu em nhỏ, sau khi nghe hát, lay đàn, lại nhác lại điệu hát gần đúng, và có nhịp điệu hẳn hoi ta có thể nói gần chắc là em có khiếu vậy.

Nếu thấy em có những hứa-hẹn tốt như thế ta hãy thử đề biết xem em có tài nhớ được những Âm thanh (Mémoire des sons) và có tài bắt chước những Âm-thanh không (Imitation des sons). Đây là hai điều khác nhau thí dụ ta thử như sau này :

a) Ta có thể lấy 1 thứ đàn (piano, mandoline v. v.) cho em nghe một note — và bảo em lắng nghe rồi nhắc lại cả 2 notes nếu em nhắc được đúng cả 2 notes. là em đã có cái bản năng « bắt chước những Âm-thanh » là một thứ, nếu thiếu, sau này khó lòng mà học được. Ta chỉ nên

nhớ dùng bắt em nhắc những notes trầm, bằng cách nhau xa quá.

b) Nếu muốn thử sự « nhớ được những âm-thanh ». Ta cho em nghe kỹ một note « La » chẳng hạn. Em phải nhớ kỹ, chú ý đề hát lại được note đó. Xong rồi, ta ra trước piano, thử đập lại gamme Do majeure và bảo em nhận xem trong những notes vừa đập, note nào là note em đã nghe thấy.

Nếu thấy em không trả lời được sự thử của ta ta hãy kiên nhẫn đợi một năm, hay nửa năm nữa thử lại, vì sự có khiếu sớm chưa chắc đã là một cái lợi.

Kể những thiên-tài về Âm-nhạc có khiếu sớm, ta cũng có thể kể được Saint Saëns, Haydn, Mozart, có khuynh-hướng về âm-nhạc từ năm 4, 5 tuổi. Trái lại, cũng có những thiên-tài mà lúc bé không có gì đặc-biệt cả : Beethoven, phải đánh mới chịu học Piano, mà sau thành một thiên-tài xuất-chúng.

Ta còn phải chú-trọng đến sức khỏe nữa.

Ta không nên bắt một em yếu đuối phải học đàn nhạc, là thứ làm rung-động căn-não, kích-thích mãnh-liệt tinh-cảm, có thể làm em chậm nhón được. Có rất nhiều thứ nhạc - khí phải cao tuổi mới tập được.

Đứa trẻ học được đàn phải vui vẻ, khỏe mạnh, nhanh nhẹn, nếu không, ta phải chờ em nhón lên mới cho học được.

Ta lại xem trong những môn học khác, như Ngữ-ngôn, trong những trò chơi, xem em có những trí lực gì minh, thì nhớ không ? Nhà triết-học Kant đã nói : « Lâm phát-triển mọi cá-nhân đến sự cực-độ là mục-dịch của giáo-dục ». Vì thế, trước khi đầu dặt một em vào con đường nghệ-thuật, ta phải xem kỹ em có khuynh-luống gì ? Và có những điều kiện cần-thiết để đi tới đích không ?

Cũng như những cách dạy của các ngôn-ngữ khác, cách dạy tốt nhất là sự thực-hành trước lý-thuyết vậy. Ta bắt đầu dạy em Ký-âm-pháp (Solfège) mục-dịch là có thể hát, khi đọc những notes và biết đánh nhịp. Những sách dạy solfège rất nhiều, nhưng cần lựa chọn cẩn-thận, những bước đi đầu tiên ấy định đoạt cả đoạn đường sau này.

Sự viết nhĩng âm - thanh (Diction musicale) cũng cần-thiết lắm.

Chỉ khi nào em đã đọc và viết giỏi rồi, ta hãy dạy em lý-thuyết âm-nhạc (théorie musicale) chắc em sẽ dễ thấu-thải được. Những chữ dùng, những câu giảng về Âm-nhạc, ta nên làm em quen dùng trí thông-minh mà hiểu, và không nên cho học thuộc lòng.

Trong thời-kỳ đầu tiên trên đường Nghệ-thuật ấy, ở những bước đi chập chững ấy, ta nên cho em đi nghe luôn những cuộc hòa nhạc, để thấm nhuần cái hay của những âm-thanh hòa hợp, và nếu em đã khá về Âm-nhạc, ta có thể tập cho em quen dự hẳn một phần vào những cuộc hòa nhạc, lúc đầu hãy cho tập những cách dễ như hát một bài ngắn, rồi đến những bài khó hơn. Nói tóm lại, bằng cách ấy, ta mở rộng tâm-trí em, cho em hiểu và quen dần Âm-nhạc, và các nhạc-sĩ nữa. Sự quen biết đó rất có lợi cho sự kinh-nghiệm của em.

Sau thời-lý học Kỳ-Âm-Pháp, nền tảng chắc chắn nhất của khoa giáo-dục Âm-nhạc, ta nghĩ đến sự định-hướng rõ rệt, muốn cho em đi đến đâu, trên đường nghệ-thuật mà ta vừa dẫn em tới. Nhà giáo-dục Legouvé đã nói : *« Những cách dạy dỗ không mục-đích nhất định chỉ đủ tạo nên những tâm-hồn thiếu sức mạnh. »* Vì thế, ta phải chú-trọng đặc-liệt đến sự chọn đường của em. Ta thường thấy, trong đời ta, nhiều khi những cuộc gặp gỡ tình cờ, những trường-hợp mơ-hồ, tưởng không liên can gì đến ta, mà định đoạt cả đoạn đường sau này của đời ta. Đến đây, ta đã đưa em đến một ngã ba. Theo phương nào có nhiều hy-vọng đạt tới đích nhất : Sự lựa chọn phương hướng đó sẽ định-đoạt cả tương-lai em sau này đấy,

Đến thời-kỳ này, ta thấy em tỏ ra ham thích nghe, say mê với một thứ đàn gì, ta phải hỏi : Em có thích biết chơi thứ đàn đó không. Tùy theo câu trả lời có vẻ sốt sắng, mãnh-liệt, nhiệt-thành hay rụt rè, lưỡng-lự ta nhớ lấy, rồi tự đó, dạy em chuyên học về thứ đàn ấy hay bỏ hẳn. Cũng có nhiều thứ đàn chỉ khi nào nhớn tuổi mới học được, vậy mà em đã ham thích, ta phải làm thế nào ? Ta hãy chờ

cho em đến tuổi học được mới dạy, nhng ngay bây giờ, ta cho em một chương-trình làm việc, để sắp sếp cho em học thứ đàn ấy sau này.

Nếu ta lại thấy em tỏ ra ham thích chép những notes em nghĩ ra, tuy em mới biết ít về Âm-nhạc, đó là em có ít nhiều hứa hẹn trở nên nhà soạn-nhạc (Compositeur) sau này đấy.

Cũng có nhiều em thờ ơ, với Âm-nhạc, tỏ ra không thích một tí nào, ta nên dùng cách khuyến khích, và thưởng em mỗi lần cố gắng. Nhưng ta không nên lấy cái thích của ta bắt em học bằng cách đưa đi tập học giờ, vì *« Giáo-dục là một thầy dạy dịu dàng, thấu hiểu, và kẻ thù của sự tàn-nhẫn và hình-phạt »* đấy (Rollin).

Sau hết, ta chờ nên nhằm như những người tưởng rằng cứ cho con đến học một nhạc-sĩ có tài ít lâu, và thêm lòng khao khát trở một nghệ-sĩ lừng-lẫy danh tiếng, là đủ làm con mình sẽ trở nên một người soạn nhạc có tài. Không ! Họ quên những giờ phút gắng gỏi, nhọc nhằn, của những nghệ-sĩ có tài đó, và họ không biết rằng trước khi được đời biết đến, họ đã phải âm thầm, đau khổ, ngày đêm thao thức vì Nghệ-thuật đó ; họ đã phải gắng sức, kiên nhẫn làm việc trong bóng tối, công-phu biết bao nhiêu mới đạt tới được một tài-năng trung bình. Họ quên rằng sự thẩm thía, từ từ mà đều đặn, và phương-pháp bao giờ cũng là nền-tảng của mọi thứ giáo-dục, mà nhất là giáo-dục Âm-nhạc... Cứ phải làm việc từ từ, kiên-nhẫn với bao nhiêu công-phu, thêm nguồn lửa thiêng hua đốt, người ta mới tới được mục-đích đấy !

Còn sự học sẽ lâu hay chóng đấy là tùy khiếu riêng, tài-năng riêng của từng người, nhưng, bao giờ, một sự giáo-dục thấu đáo, cặn kẽ, cũng rất lâu dài ; Nghệ-thuật là một thứ cây vô cùng tươi đẹp, nhưng phải đón chờ hàng bao năm mới hái được quả, và cứ hoài hoài gắng sức mãi mới tới được cái ĐẸP HOÀN TOÀN. Nhạc-sĩ Schumann đã nói rất có lý : *« Người ta không bao giờ có thể thôi không học nữa. »*

VAN HOA

TRICH THUAT SACH BAO

TRONG ĐỨC

Vài phương-pháp làm giàu thức ăn cho dân quê Bắc-kỳ.

(Theo ông Botreau-Roussel, Tổng Thanh-tra Y-tế
trong Kỹ-giáo của Viện Khảo về Người, quyển V,
tập I — 1942)

«... Trong bản Báo cáo của đoàn đại-biểu xứ Đông-
pháp tại Hội-ngập Vệ-sinh thôn-quê giữa các nước phương
Đông (1927) do ông Dorolle thảo, có nói : Người
nông-phu là hạng đói nghèo nhất và đông nhất.
Đời sống của họ chia làm hai thời-kỳ luân lượt
thay đổi : Một thời kỳ họ chỉ đủ ăn hàng ngày tức
là mùa cấy cấy hạt, lúc họ có thể đi làm thuê
mướn được, ngoài ra là thời-kỳ khó khăn, thiếu ăn
mãi ngày thường họ chỉ được ăn một bữa.

Lại trong tác-hàm của ông Pierre Gourou nhan
đề là Dân quê ở Trung-châu Bắc-kỳ (1936) cũng
nói : Bữa cơm của người dân quê thực nghèo nàn,
thiếu chất mỡ và chất đạm. thường là chỉ có cơm
với ít rau luộc cùng vừng rang lẫn với muối. Có
khi họ phải ăn cả thịt chuột và sâu bọ đủ các thứ...
Người ta có thể quả quyết rằng dân quê nghèo đói
đến cùng cực.

*

Theo ý ông Botreau-Roussel, sự di dân trong xứ
không phải là phương-sách cứu vãn được tình trạng
kia, là vì con số vài vạn vạn phu di vào các đồn điền
ở Nam-kỳ hoặc Nam Trung-kỳ có thêm vào đầu
vài hàng triệu ruợi dân thiếu ăn ở Trung-châu
Bắc-kỳ. Đến như sự di dân lên miền Trung-du hay
Thượng-du Bắc-kỳ, thì ngoài mấy trở ngại-pheo bỏ
đi và chết choc, kinh-phí tốn kém, người ta thấy
vấn đề chống nạn thiếu ăn vẫn chưa giải-quyết xong.
Vì rằng chỉ độ mười năm thì sự di dân đó phải
ngừng lại khi mà các đất đều bị chiếm cứ hết cả
rồi, thêm nữa con số mướn vạn người, thì chưa đầy hai
phần ba số dân tăng lên hàng năm.

Chúng quý vị! tu không nên nhầm lẫn công
việc khai thác những đất mới bằng nhân công tuyển
ở một miền nhân-mãn với công việc chống nạn
thiếu ăn của dân quê ở Trung-châu Bắc-kỳ.

*

Dưới đây, ông Botreau-Roussel đề nghị mấy
phương-pháp làm tăng sự sản xuất các thức ăn cần
bản gạo đồ ăn có chất đạm và sinh tố.

a) Về gạo thì làm thế nào cho dân Trung-châu
giữ được cho mình tất cả thóc gạo họ xuất sản ra
thì mới đủ ăn, chẳng hạn nghiêm cấm sự xuất cảng
gạo Bắc-kỳ, (trước kia Hoa-kỳ xuất cảng nhiều
là vì giá gạo ở thị-trường ngoại-quốc rất cao) ; —
nghiêm cấm sự cất rượu bằng gạo Bắc-kỳ. Một
phương-pháp có vẻ cách-mệnh quyết liệt hơn là sự
khôi phục lại nền tiểu điền, vì đại điền không
có lý do tồn tại ở Bắc-kỳ, nơi mà ruộng chia ra
từng mảnh nhỏ, không thể cấy bừa bằng máy móc
cho lợi được. Muốn đạt được điều này người ta
cần phải một là phân-phối lại điền-thổ bằng cách
bồi thường cho các đại điền-chủ, hai là làm cho các
tiểu tư-sản dưới năm mẫu thành ra bất khả điền mai
(inalienable), như thế sự cho vay nặng lãi và sự thế
chấp ruộng ruộng theo sau nó đổ đi nhẵn. Còn
một phương pháp nữa là tăng sự xuất sản gạo bằng
cách chọn lọc các giống lúa, bằng những công cuộc
về thủy-lợi và khai thác các đất biển tân-bồi.

b) Về các thức ăn có chất đạm, có hai cách tăng sự
xuất-sản, một là chặn chính lại sự chăn nuôi các
vật nhỏ như chó, gà, lợn, các súc vật lớn như trâu
bò không thể nuôi ở Trung-châu được ; hai là
truyền bá những phương pháp khoa-học ; thả và
nuôi cá ở các hồ ao và ruộng nữa.

c) Về các chất sinh tố, như sinh tố B1 thì có rất
nhiều ở cám gạo, cho nên nên để người dân quê giữ
lấy cách giã gạo cổ, nó giữ cho hạt gạo đủ chất
sinh tố cần thiết. Sinh tố C thì ở rau cỏ, hoa quả
cổ nhiều, cho nên phải làm thế nào cho những cây
như cam chanh, bưởi bao giờ cũng giống trong vườn
thường có chung quanh, cả những nhà nghèo nhất
của người An-nam,...

*

Tình cảnh các nhà văn ở Pháp từ tháng sáu năm 1940.

(Theo ông Mauric-Muret — trong Journal de
Shan-jhai).

«... Theo bản báo cáo chính thức của Hội các
nhà văn thì từ tháng sáu năm 1940 nhiều tờ báo
phải đình bản. Có những tờ rời tiếp tục tái bản
được nhưng lại không đáng cả truyện ngắn lẫn
truyện dài. Đồng thời xảy ra một cuộc khủng-
hoảng chưa bao giờ từng có trong nghề xuất bản
sách khi vì một lẽ thiếu giấy...

Thế mà số người mua và đọc sách báo lại tăng lên phi thường. Là vì người ta không thể đi chơi bằng xe hơi, đi du lịch được nữa, kịch hát thì lắm thường, những cuộc giẫm đu phong lưu lịch sự không còn, người ta đành ở nhà và người ta đọc. Đọc gì? Tất cả những cái gì in ra. Các hàng sách thì rất quả quyết về chỗ đó. Họ bán tất cả các sách mới xuất bản và tổng hàng đi với hết tốc độ. Những phòng đọc sách cũng được hưởng, cái bệnh «đói sách» ấy và ngay cả những thư viện thành phố cũng chật người...

Một quyển sách trước khi ra đời đã phải đợi hàng hơn một năm ở nhà xuất bản mới đến phiên được mua giấy. Người xuất-bản thì hết sức tin tưởng ở sự bán. Nhưng mỗi lần in ra 600 cuốn là nhiều nhất, còn như sự tái-bản thì nghe chừng khó khăn lắm. Cho tất cả mọi người giấy, nhưng ít thôi và không được quá, lệnh trên là thế. Ấy thế mà đã có tin như nước sắp hạn chế thêm nữa. Tội nghiệp cho con nhà văn! Được một thời bán hàng chạy, thì lại một tai họa ác-nghiệt khác gần trở...

...Đến như bọn hàng sách, lũ lâu cả ấy họ vẫn dựa vào lòng tác-giả mà phát tài như thường, mặc dầu không ai có bằng cứ gì mà trách cứ họ được. Sách mới càng hiếm ắt bao nhiêu, hàng trữ càng ụ ụ đi bao nhiêu, sách bán, ngay cả sách cũ, càng đắt bấy nhiêu. Trong một cuộc điều tra về «cải cách bán sách», ông Pierre Macaigne đã cho biết một bộ sách của Poë hay Beaumarchais trước kia bán 60 hay 90 quan, ngày nay đã cũ mà lại sờn rách cũng bán nổi 800 quan. Đến như Montaigne và Rubens thì nay tới hàng 2.000 và 2.500 quan...

Muối ở Đông-Dương.

(Theo tuần báo L'Asie du jour ngày 20 Avril 1944).
Vòng duyên hải dài, vì đường giữa khoảng đường Xích-đạo Hạ-chi-tuyến (Tropique du Cancer) Đông-dương là một trong những xứ xuất sản muối chính ở Á-châu.

Từ Móng-cái đến mỏm Cà-mau, những cánh đồng muối liên tiếp nhau man-mác...

Những trung-tâm xuất-sản muối là: Văn-lý ở Nam-dịnh Bắc-kỳ; Bắc-Trung-kỳ có Lạch-trượng và Ngọc-giáp ở Thanh-hóa; Thanh-sơn, Phủ-độc, Vạn-phần ở Nghệ-an; Hộ-đồ và Tiễn-tri ở Hà-lĩnh; rồi đến Trung-kỳ, vựa muối của Đông-dương với những ruộng muối ở Sa-huỳnh Đé-gi. Quê-nhơn Lê-Uiễn, Honecohe, Cana, Phô-hải, Trịnh-lương; Nam-kỳ có Bariq và Bắc-liêu...

Muối giữ một địa-vị rất quan trọng trong nền kinh-tế Đông-dương: đó là khoản thu trọng-đại cho ngân sách toàn xứ, đó là nghề kiếm ăn của tất cả một số dân cư lớn ở miền duyên hải, là nguồn lợi

cho một số đông người buôn bán, là đề gia-vị của thiết-bạc nhất cho thổ dân và lại cũng được ưu tiên việc trong nghề nông cũng như về kỹ-nghệ.

Ở Đông-dương sự khai khẩn các ruộng muối thuộc về độc-quyền của sở Thương-chính...

Thay vào những cách đánh thuế rồi rạc của An-nam xưa, từ năm 1899, chính-hủ Pháp đặt ra một chính-sách duy nhất trên những nguyên-tắc này: mở ra khải ruộng muối phải xin được phép nhà nước trước đã; bao nhiêu muối xuất-sản bắt buộc phải nộp bán hết cho kho nhà Thương-chính; việc Giám-hệ chỉ thi hành trong khu vực làm muối; muối bán tại kho nhà Thương-chính theo giá quốc gia; Toàn-quyền định; sự buôn bán muối được tự do; muối xuất cảng do đường biển hay dùng vào cần-nông và kỹ-nghệ được bán giá hạ hơn...

... Sự khai thác muối do nhà nước mang lại cho Ngân-sách toàn xứ một nguồn lợi lớn về tiền.

Sự độc-quyền của chính-phủ, nghĩa là sự bắt buộc các người làm muối phải nộp, bán.

các người làm muối phải nộp bán cho nhà nước tất cả muối làm ra, tuy làm cho các nhà xuất-sản bị không được hưởng tất cả lãi mà họ có thể thu được nếu họ được tự do làm và bán muối, nhưng họ được lợi là chắc chắn thế nào cũng bán hết và tiền nộp số muối làm ra, không phải đi tìm người mua và phí thoát vòng hẫc-khắc của bọn cho vay nặng lãi. Thành ra dân miền duyên hải cũng được yên tâm về miếng ăn.

Hiện thời có ngót 8.000 thợ làm muối ghi vào sổ nhà nước mà một nửa thuộc về riêng khu Văn-lý Bắc-kỳ. Kể cả những người làm rẽ, những người thuê ruộng muối, thợ thuyền, người ta tính ra hơn một vạn gia-đình sống và nghề làm muối. Ngoài ra có một hội phải chịu một quỹ nước riêng: Hội làm muối Đông-dương ở Cana, được tự do định số muối làm ra để xuất cảng...

Ngoài phương diện tài-chính, sở Quản-trị về muối ở Đông-dương có một chức vụ về xã-hội quan trọng là đảm-bảo một cách hoàn-hảo, sự phân phát một sản vật thiết-yếu nó lại có một quan hệ riêng cho dân chúng Đông-dương. Việc thiết lập những kho muối* trừ cần cho sự phân-phát hợp-lý giữa các miền hay nơi tiêu thụ ở đó xuất sản không đủ dùng; cần không lại sự độc chiếm, nạn đầu cơ, đề-phòng sự lãng phí và ngăn trở sự không-lỗi vì sản xuất không đủ hay tiêu-thụ khác thường...

Trừ những trường hợp đặc biệt, ở Đông-dương việc bán muối được tự do. Sở Thương-chính mua tất cả muối của các nhà xuất-sản và bỏ kho. Một

(Xem tiếp trang 27)

Đền chùa Việt - nam...

(Tiếp theo trang 6)

cho chúng tôi xem hết các sách vở thường tụng đọc hàng ngày : về các khóa tụng thì vẫn cũng như những sách tôi đã kể trên. Còn những sách khác ngoài những pho người mới mua ở chùa Bà-dà Hà-nội ra, tôi còn thấy có nhiều bộ do vị sư Tinh-Tinh ở chùa Thiệu-hòa đứng chứng san từ năm Minh-mệnh nhị-niên (1821). Có một bộ khiến tôi lưu ý nhất là bộ các khoa cúng về trai đàn thì lại là bộ sách viết, mà người mới chép ở Trung-kỳ. Trước khi từ biệt cảnh Giác-lâm, sư cụ đưa cho tôi mượn riêng quyển *Tổng-phái-ký* sách này dù không có niên hiệu cùng tác-giả nhưng quý lắm, xem ra có thể đoán rằng làm từ đầu thế-kỷ thứ XIX đến nay ít ra cũng trên dưới một trăm năm. Xem sách ấy có thể lược biết thông-hệ các sư ở Nam-kỳ về thời ấy và biết rõ việc diễn-hóa Phật-giáo Việt-Nam ở đất Nam-kỳ.

Chùa Giác-lâm ở về địa-phận thôn Phú-thọ-Hòa, thuộc Gia-định. Theo nhời vị sư trụ-trì chùa ấy, hễ còn trẻ tuổi, thì chùa Giác-lâm do một vị sư ở ngoài Bắc-kỳ vào sáng tạo, đạo hiệu là Hải-sinh-tiên Giác-hòa-thượng. Ở trong chùa này thấy có một đôi câu đối của thiến-tín cùng đề niên-hiệu Gia-long Tam niên (1804). Về điển tích chùa này, sách *Đại nam nhất thống chí*, là một bộ địa dư làm vào thời Tự-đức có chép như sau này :

Chùa Giác-lâm ở làng Phú-mỹ Thọ thuộc huyện Bình-duong. Chùa xây trên một cái gò con-kim ở giữa một khoảng đồng bằng. Gò này rộng chừng hơn ba dặm. Trên gò cỏ thơm phủ kín như tấm thảm thiên nhiên cây cối rườm rà um-lọng che kín rợp. Tiên triều về nam giáp tí (nghĩa là đời Gia-long 1744) người Minh-Hương là Lý-Thụy-long quyền tiền ra làm chùa : người đi lễ bái rủ nhau ngoạn thưởng rất đông. Chùa này còn gọi là chùa Cầm-sou.

Chùa Bảo-nghiêm ở làng Phú-cường, cách tỉnh lỵ Thủ-đầu-một chừng ba cây số. Chùa này là một ngôi chùa nhỏ một làng tục gọi chùa « công Vía » là tên người dựng nên chùa. Mới bước chân vào cổng chùa đã trông thấy bức hoành sơn son

đã cũ, có ba chữ Bảo-nghiêm-tự còn tượng-pháp trên tam bảo thì rất sơ sài chúng tôi có lược biên đề tiện việc kê cứu (1)

2. — Đình thờ thần Việt-nam

Thượng đẳng thần miếu. — Ở Nam-vang tôi có thấy một ngôi đình thờ thần Việt-nam tức là ngôi Thượng-dẳng thần-miếu, thờ một vị thành hoàng người Việt - nam. Người đồng bang Việt-nam ta ở Nam-vang coi như đình làng, có gọi tên là Việt-kiều thần-miếu. Đình này thờ một vị đại-tướng vua ta sai sang Cao-mên trước nhất vào hồi thế-kỷ thứ XVII là đức Lê-thành-Hầu, húy là Nguyễn-Hữu-Kính. Theo nhời ông Huỳnh-văn-Keo (2) là một bậc kỳ-lão Việt-nam hiện thời ở Nam-vang năm nay đã ngoài 70 ; ông kể lại cho nghe thì đình này trước tiên của người Mên dựng lên để sùng-bái công-đức đức Lê-thành-hầu, kể đó những Việt-Kiều ở Nam-vang sửa chữa lại. Khi ông mới bảy tám tuổi ông thấy đình này làm ở trên khoảng đất phố Olier hiện thời. Hồi đó ông lại còn thấy có nhiều miếu nhỏ hơn cũng thờ phụng đức Lê-thành-hầu. Đến năm 1896, ngôi đình này thiên về chỗ hiện thời, còn những ngôi miếu nhỏ như ngôi miếu ở Chamcar chen thuộc hộ ngũ thành Nam-vang thì bỏ hủy liệt đi. Vậy đình này làm từ bao giờ, ta không thể biết chắc chắn được, chỉ biết rằng-chúng ta ở trên thửa đất hiện thời vào năm 1896 vì ở đình còn giữ được giấy phép của vị tăng-thống Cao-mên ưng

(1) Về các chùa ở Nam-kỳ, tôi xin trân-trọng tạ ơn các ông Phạm Thiệu, Giáo sư trường Trung học Saigon, Lý Vĩnh Khươn, Tham tá sở Văn thư ở Saigon, hai ông hoặc thân đưa đi vắng cảnh, hoặc mách bảo những nơi danh lam.

(2) Tôi không thể quên ơn các ngài kỳ hảo trong đình Việt-Nam ở Nam vang mà không thăm tạ các ngài đã có lòng cho mở cửa đình, tỏ đèn, ngát hương cho chúng tôi được bái yết một vị danh tướng đồng bang đã đi khai thác bờ cõi, tận tâm với đất nước, xin kể qua phượng danh các vị đã sẵn sáo đến việc thăm lễ hôm ấy ; ông Lê văn Nhung làm thượng hạng phán sự tòa Đốc lý Nam vang đã về hưu trí, các ông Phạm tất Tố, Phạm thanh Mạn, thương gia và ông Huỳnh văn Keo, đại diện chủ.

thuận cho làm ngôi đình này. Tờ giấy ấy bằng chữ Cao-mên xin lược dịch sau này

Đình Thượng đẳng này có ba gian : gian giữa là chính điện. Gian bên tả thờ các vị Tả-ban và một vị thần bản-thổ tôn hiệu, là Hắc-vương đại-đế. Bên hữu thờ các vị hữu-ban ở chính điện, ở chính giữa mỗi nơi thềm cung có đề một cái thần bài sơn son trên khắc một chữ Tồn to thếp vàng. Hai bên thần bài có đôi câu đối : Vọng thần án tứ, giản dịch cái « Nhờ ơn thần tứ dân đều được yên lành ». Ngưỡng thánh đức, vạn vật hàm phong « Trông đức thánh, muôn vật hết thấy thịnh vượng ». Trước cái thần bài ấy, lại có hai cái thần bài nữa, cũng sơn son chữ thếp vàng. Thần bài bên tả có đề : Cung thỉnh sắc tứ bản cảnh gia phong hộ quốc trung trực đương đương Quảng hậu Thiện hựu Thượng-đẳng chính-vị đại-thần. Còn thần bài bên hữu đề như sau này, có vẽ ngà ngà : Phụng tặng thượng đẳng công thần hương vị. Trong đình còn có nhiều câu đối của kiều-dân Việt-nam và Trung-hoa tiến cúng, nhưng chép ra đây sợ rườm rà quá. Khi tới đó chúng tôi có thành - kính hương hoa làm lễ, đề tỏ lòng ngưỡng-mộ một vĩ-nhân Việt-nam đã được người Mên sùng-bái cũng như người Nam. Làm lễ xong, chúng tôi xin phép khai hòm sắc ra để coi. Khi khai hòm ra chúng tôi thấy có một bản sao đạo sắc phong đức Lễ-thành-hầu làm thành-hoàng từ năm Minh-mệnh tam-niên (1824) và một tờ giấy phép trùng-tu đình sở từ năm 1896, bản này bằng chữ Mên có kèm bản dịch bằng Pháp văn.

Nay xin dịch thuật cả bản đạo sắc-phong và bản dịch giấy phép như sau này :

Sắc cho quan thống-xuất Lễ - đình - hầu họ Nguyễn : Giúp nước cứu dân, công đức rõ rệt, trước kia đã được khen tặng, ghi tên vào tự-diễn. Từ khi đức Thế-tổ Cao hoàng-đế ta thống-nhất bờ cõi khắp cả thần và nhân dân đều được vui vẻ. Nay ta được về, vang nối theo cơ-đồ lớn lao ấy nghĩ kỹ đến công ơn các bậc thần, thật nên nâng các hiền hiệu. Vậy gia-phong người là : Thác-cảnh Uy-viễn-chiêu-ưng Thượng-dẳng thần. Nhưng vẫn để thờ ở miếu hội-đồng thành Gia-định, mong giúp đỡ ta giữ gìn cho dân nước. Tại thế phong tờ sắc này.

Năm Minh-mệnh thứ ba, (tháng chín) ngày 14.
Sao một bản gửi đi để thờ ở thành Nam-vang.

Bản dịch chữ Pháp tờ giấy phép trùng-tu đình vũ :

Le roi des bonzes de la pagode Unalam fait connaître à Préas chum Nit Satrey que les nommés Tân-khao-Hoành et Song, brigadier de police sont venus le voir pour la construction d'une pagode qui a été autorisée par M. le Résident Supérieur.

En conséquence, je vous prie de donner avis favorable à la demande en question.

Année du Singe (1896)

Tang-thống chùa Unalon tư trình Préas chum Nit Satrey Ông biết rằng : Các tên Tân-khao-Hoành và Song là lính Tuần-cảnh có đến thăm tôi về việc làm lại ngôi đình mà đã được quan Bảo-hộ cho phép.

Vậy tôi xin ngài chuẩn phê vào cái đơn này cho.

Nam Thân (1896)

Trở-lên là các sự-tích về ngôi Đình thờ đức Nguyễn-hữu-Kinh ở Cao-mên mà thu thập được ở ngay Nam-vang. Dưới đây xin sao lược những điều tích về đền thờ Ngài cùng lược truyện Ngài đã tìm thấy trong các sử sách *Gia đình thành thống chí*, sách *Đại nam nhũu thống chí* và *Đại nam liệt truyện* tất cả lược lấy nam đoạn :

DOẠN THỨ NHẤT

Sách *Gia đình thành thống chí* (1), quyển 6 từ 34-36.

Đền Lễ-rồng xây trên một cái bãi lớn ở giữa sông Hậu-giang.

Đời vua Hiến-lôn, năm Kỷ-mão thứ 9 (giữa nam Chính hoà 20 đời vua vua Lê Hy-tôn, năm Khang-hi thứ 38 nhà Đại-thanh) tháng 7 (1699) Nặc-Thu (ạng Sor) ở nước Cao-mên sai đắp lũy ở khu-bích, Nam-vang Cầu-nam rồi cướp bóc thường-dân vùng ấy. Tướng Long-môn làm thống-binh là Thăng-tài hầu Trần-thượng-luyết, đóng quân phòng giữ ở Đình-châu, đem việc ấy cấp báo triều-đình. Tháng một, vua sai quan Trưởng-cơ Lễ-thành-hầu họ Nguyễn làm Thống-xuất, quan Cẩm-lông hầu họ Phạm làm Tham-mưu, cùng quan Hữu-thủ ở Trấn-

(1) Sách *Gia đình thành thống chí* của Trịnh hoà Đức làm vào thời Gia long. Năm 1863 Quan thủy-quân G. Aubaret đã có dịch ra chữ Pháp tên là *Histoire et description de la Bassé Cochinchine*. Nhưng trong ba đoạn trích sách ấy ra sau đây chỉ có một đoạn thứ ba là thấy có ở bản dịch của G. Aubaret, còn các đoạn khác tôi trích trong nguyên bản in chữ Hán.

binh dinh là Nguyễn-hữu-Khánh cùng với binh hai dinh Quảng-nam và Bình-khang hội đồng với quân lính của tướng Long-môn tiến đóng ở Tân-châu đề đồ xét tình thực hư của bên địch.

Tháng ba năm Canh-thìn kéo quân đánh thẳng vào lũy Nam-vang. Quân địch bày trận đề đón. Đức Lễ-công đứng trên mũi thuyền, tuốt gươm cử huy, ba quân đều tiến, tiếng súng như sấm vang. Nặc thu chồn trước, thành ra không đánh nhau mà quân Miên tan vỡ. Quân quân ta liền lấy dروع đồn Lô-bích. Nặc em ra hàng, đức Lễ-công kéo quân vào đồn yên ủi dân chúng. Tháng tư, Nặc-tu thân đến trước quan xin tội. Đức Lễ-công nhân thực phủ úy, sai Nặc Thu về Lô-bích chiêu tập lưu dân. Còn ngài thì kéo quân về Sao-mộc châu (châu này trước kia mọc nhiều cây sao, tức là châu ông Trương) tâu việc thắng trận và đội quân lệnh triều-dinh.

Đêm ngày 26 nổi trận mưa to gió lớn làm cho một đầu châu ấy lở băng âm âm như tiếng sấm. Ngay đêm hôm ấy đức Lễ công nằm mộng thấy một người to lớn đẹp đẽ, mình mặc áo gấm, tay cầm phủ-viết vàng, mặt đỏ như son, râu mày trắng xóa, đi lên trước Ngài mà bảo rằng: Tướng quân nên mau quay xe trở về, không nên ở lâu chỗ ác địa này. Ngài sợ linh đày, thấy người buồn rầu. Chỉ vì việc binh phòng xếp đặt chưa xong, quân giặc trốn-tránh trong rừng núi chưa dẹp được yên. Hãy còn phân vân chưa định ra sao thì hình linh quân lính bị địch tế mà Ngài cũng bị đau, đến nỗi tê liệt cả hai chân, ăn ngủ không được. Chợt đến ngày mồng năm tháng năm là tết Đoan-ngo, đặt yến tiệc đề khao thưởng tống sĩ, ngài cũng gương ra dự lễ. Vì thế phải cảm phong, thổ huyết, bệnh ngày một trầm trọng. Ngày 14 kéo quân về, ngày 16 đến Sầm-giang thì thân ôi tướng quân đã sang thế giới khác. Raóc cứu ngài về dinh Trấn-biên, quân ở đấy rồi mới tâu rõ về triều. Chúa thượng được tin than tiếc hồi lâu, tặng Ngài chức Hiệp-tán công-thần đặc-tiền trưởng-dinh thụ là Trung-cần. Ngài hưởng thọ 51 tuổi. Người nước Cao-mên ở địa-đầu thành Nam-vang, lập miếu thờ cúng ngài và gọi tên ngay nơi ấy là Lễ công châu. Nơi dinh cũ ở dinh Trấn-biên cũng có lập miếu thờ ngài, đầu đầu cũng thấy hiền linh.

(Còn nữa)

Thúc-ngọc TRẦN VĂN GIÁP

MỤC VIÊN

Pacifique

XANH — TÍM

KHÔNG PHAI MÀU

= KHÔNG CẶN =

Có bán tại các hàng sách

MUA BUÔN HỎI:

Mr DO VAN THIÊU

Nº 94, Maréchal Foch, VINH

**BẠN MUỐN CÓ ĐỦ ẢNH CÁC NHÀ
VĂN DANH TIẾNG VIỆT-NAM**

Như: Đào Duy Anh, Nguyễn văn Tố, Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, Ng. văn Vĩnh, Phan trần Chúc, Đào trinh Nhất, Ng. Tuấn, Thế Lữ, Tú Mỡ, Trần thanh Mai, Vũ hoàng Chương, Vũ Trọng Phụng, Lưu trọng Lư, Ngô tất Tố, Nguyễn Hồng, Hàn mặc Tử, Đông Hồ, Thiều Sơn, Phan Khôi, Quách Tấn, Huy Cận, Xuân Diệu, Đoàn phả Từ, Trần (ấn) Khải, Hoàng ngọc Phách, Tân Đà, Tam Lang, Trọng Lang, v. v.

Tất cả 40 ảnh (khổ 9 x 12) in trên giấy láng tốt, bạn muốn có đủ xin gởi mandat 8\$30 cho M. YÊN SƠN, kiosque Thanh-tao — Vinh (ảnh sẽ gởi đến bạn cùng 1 lần với 2 quyển Nhà văn hiện đại của Vũ ngọc Phan.

Đã có bán

TRUYỆN DỊ THƯỜNG

(Histoires extraordinaires) của Edgar Poe
Bản dịch của MỘNG HUYỀN GIÁ 4\$50

TÌM NGHĨA VĂN HỌC

của NGUYỄN HUNG PHÁN GIÁ 2\$20

TRIẾT HỌC ARISTOTE

của NGUYỄN ANH NGHĨA GIÁ 3\$80

Sắp có bán

CHÍNH TRỊ ĐẠI CƯƠNG

của NGUYỄN PHƯƠNG NAM GIÁ 3\$70

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

29, Lamblot — Hanoi

Việc quốc tế

TỪ 22 ĐẾN 29 AVRIL 1944

Mặt trận Á-Đông

Ở Ấn-Độ-Điển-Điện quân Nhật tự khắp các ngã vẫn tiếp tục tấn công vào Imphal. Trong thung lũng Kaladan họ đã chiếm được Paletwa. Trên đường Palel-Tammu và đường Kohima-Dimapur, quân đội Nhật đã chiếm được mấy pháo đài (Sibong, Shenam) và uy hiếp nhiều nơi.

Trên đất Trung-Hoa, phi cơ Nhật liên tiếp đi đánh phá các trường bay quân địch mới dựng ở mấy tỉnh Quảng-Tây, Quảng-Đông, Hồ-Bắc, Hồ-Nam và Thiểm-Tây.

Trên An-Độ-Dương, có tin một đoàn tàu Đồng-Minh lọt vào vùng bờ phía Tây đảo Sumatra của Nam-dương-quần-đảo, và thả phi-cơ đến ném bom xuống Sabang nhưng chỉ đánh được vài nơi không đáng kể vì bị phi-cơ Nhật đánh chặn được.

Mặt trận Ý

Hiện nay mặt trận Ý vẫn còn đứng ở thời kỳ sửa-s soạn, nên không có những hoạt-động quan-trọng. Duy có tin quân đội Nga-sô-viết đã sang Nam-Ý đề dự vào cuộc chiến-tranh ở mặt trận này.

Mặt trận Nga

Mùa Đông đã hết, Hồng-quân đang sửa-s soạn cuộc tấn công mùa Hạ nên mặt trận tạm yên. Duy ở bán đảo Crimée quân Nga vẫn tấn công vào Sébastopol nhưng chưa có kết quả. Ở vùng giữa dãy núi Karpathes và thượng lưu sông Dniester, quân Đức-Hung phản công được ít nhiều thắng lợi.

Trên đất Lô phi-cơ Anh-Mỹ vẫn đến đánh phá kinh-thành Bucarest và miền dầu hỏa Ploesti ráo riết.

ĐÔI BẢO

Bạn Đình-xuân-Lợi, ở 37 Rue du Lac, Hà Nội, độc giả Thanh-Nghị, có nhữn số 7, 26, 27 (có hai), 28 và ba số 29-30-31 in chung (Tết 1942), muốn đổi hoặc mua bằng giá đắt gấp đôi với bạn nào có những số 15, 16, 17 và 23. Xin giao thiệp thẳng với bạn Lợi. Nhà báo cũng vui lòng nhận chuyển giao báo đổi hay thư-từ.

THANH-NGHỊ

Mặt trận Á-Â

Hàng ngót vạn phi-cơ Đồng-Minh vẫn tiếp tục sang đánh phá các trường bay ở Đức, Pháp, Bỉ, Hà-Lan. Kinh thành Paris bị ném bom, có tới hàng ngàn người chết và bị thương, nên Quốc-trưởng Pétain, lần thứ nhất từ khi đình chiến, đã lên Paris dự lễ cầu hồn cho các nạn nhân.

Có tin trên bờ Manche, trong một cuộc thủy-chiến, chiến hạm Anh và Giã-na-đại đã đánh đắm được một trong ba bốn khu-trục-hạm Đức ở ngoài khơi đảo Batz (Bắc Bretagne).

Hết nhiều triệu-chứng tỏ ra rằng quân Anh-Mỹ gặp mở mặt trận thứ hai ở Tây-Âu. Đ. Đ. D.

Trích thuật sách báo

(Tiếp theo trang 23)

người ai cũng có thể đến đây mua theo giá đã định bao nhiêu cũng được và muốn gửi đi đâu thì gửi. Ngoài khoảng 20 cây số chung quanh nơi làm muối, sự lưu giữ và chuyển chỗ muối không bị kiểm-soát hay phải chịu một hình thức gì cả.

Chỉ có một số rất ít người đến tận kho muối buôn cất lớn. Ở kho Baria có chừng 12 nhà mua buôn đều đặn hàng tuần lần một lúc; ở Ván-Lý con số cũng sắp xỉ thế và ở Bắc Trung-kỳ có chừng nửa tá, thêm vào đó một số thuyền buồm buôn bán muối theo dọc sông. Nhưng số người mua buôn hạng trung, và số người bán lẻ lại nhiều vô cùng, ở khắp nơi thành-thị và thôn-quê.

Sở Thương-chính lại đặt ra trong xứ những kho để ngăn trở sự độc chiếm và đầu cơ, để điều chỉnh giá hàng. Tất cả có 95 kho điều chỉnh và 5 kho trữ. Tuy nhiên cũng chỉ có hiệu quả về giá buôn lớn và buôn trung, còn giá bán lẻ thì khó lòng định đoạt được, vì nơi tiêu thụ nhiều quá, chính-phủ không thể đặt ra những tiêu-bài bán muối ở khắp nơi để kiểm soát được.

Dân Đồng-dương liên tục muối hoặc nguyên chất, hoặc dùng để muối cá, tôm, dưa, cà, và nhất là để làm các thứ nước chấm: tương, nước mắm; riêng chỉ có nghề làm nước mắm có qui ước do pháp-luật. Ngoài ra muối còn dùng ở các nhà máy rượu bia, nước đá, làm ken, thuộc da, làm xà-phòng. Về canh nông, muối dùng làm đồ ăn cho súc vật bị suy nhược vì khí hậu và thiếu ăn.

TRỌNG - ĐỨC

== THU-XÃ ==
ALEXANDRE DE RHODES

MỜI XUẤT BẢN:

LEN TAM

của TÂN-ĐÀ

80 trang lớn, khổ 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 4 màu của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh. Một cuốn sách tập-đọc rất lý-thú bằng thơ của thi-sĩ Tân-Đà để dạy những trẻ em, được học và được vui-thích.

Bản thường.. .. 1\$50

Bản giấy Đại-La 6,00

cước 0,50

== TỔNG PHÁT HÀNH ==
MAI-LINH— HANOI

Bong Tre Xanh

Của Kỳ-Tâm ĐỒ-THỨC-VỊNH

Một cuốn tiểu-thuyết tả đời sống ở thôn-quê, đã được giải-thưởng GIA - LONG của hội ALEXANDRE DE RHODES năm 1943

Lời phê của Cụ Thượng PHẠM :
« CUỐN NÀY DÀN-XẾP RẤT KHÉO, LỜI VĂN GIẢN-DỊ, TỰ-NHIÊN, ĐỌC LÊN THẤY LÝ-THÚ VÀ CẢM-ĐỘNG.... »

Sách dày 180 trang, khổ 12×19

Bản thường.. .. 1\$50

Bản giấy Đại-La 6\$00

Cước.. .. 0\$47

Tổng phát hành :
MAI - LINH
21, Rue des Pipes
HÀ-NỘI

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

214, Hàng Bông — HÀ NỘI

HAI CUỐN SÁCH MỚI:

NGẬM NGÀI TÌM TRẦM

(Thanh Tinh)

2\$00

VANG BÔNG MỘT THỜI

(Nguyễn Tuấn)

5\$00

Đang in:

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ?

HOÀNG ĐẠO THUY (Tái bản)

HƠI THỞ TÀN

(NGUYỄN HỒNG)

T H Ờ I D A I

TỦ SÁCH «TÂN VĂN HÓA»

— HÀN-THUYỀN PHÁT HÀNH —

25-5-4 SẼ CÓ BÀN:

Xa hoi Vietnam

LƯƠNG ĐỨC THIẾP biên khảo

Nguồn gốc xã hội Việt-nam — Lịch sử tiến hóa của dân Việt nam — Giải thích các kiến trúc kinh tế, chính trị, văn hóa của xã hội Việt nam — Con đường phát triển hiện thời của xã hội Việt nam.

SẮP XUẤT BẢN:

PHÊ BÌNH

= VĂN CHƯƠNG TRUYỆN KIỀU =

của NGUYỄN BACH KHOA

Hàn thuyên

— 71, Tiên-tsin — HANOI —